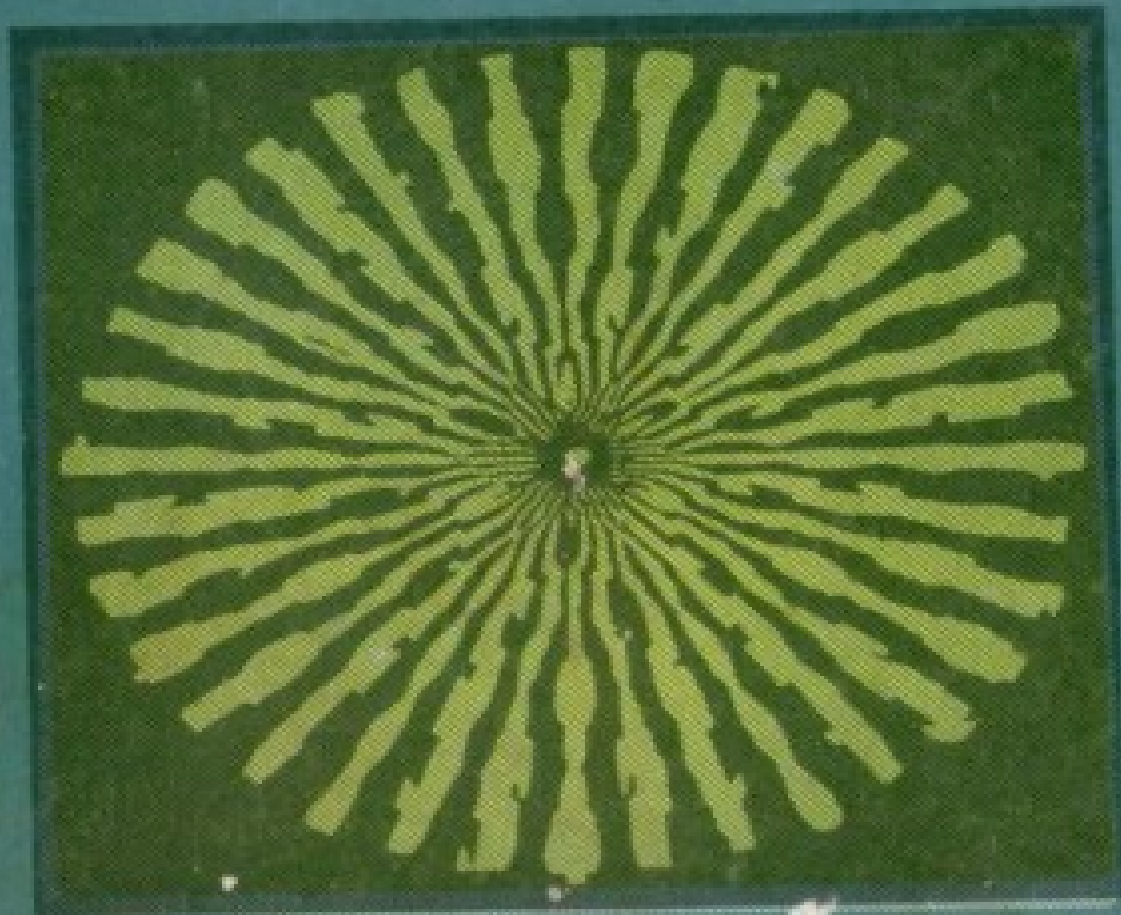


LÊ THANH HOÀNG DÂN  
NGUYỄN HOÀ LẠC

# LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP





CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP

Tác giả : LÊ THANH HOÀNG DÂN

Nhà xuất bản : TRẺ

Năm xuất bản : 1971

-----

Nguồn sách : [scmn-vietnam.blogspot.com](http://scmn-vietnam.blogspot.com)

Đánh máy : green@

Kiểm tra chính tả : Phạm Phương Trinh, Trần Ngô Thế Nhân

Biên tập ebook : Thư Vĩ

Ngày hoàn thành : 26/08/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận  
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG  
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả LÊ THANH HOÀNG DÂN và nhà xuất  
bản TRẺ đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý  
giá.**

# **MỤC LỤC**

## **LỜI NÓI ĐẦU**

## **CHƯƠNG TRÌNH : MÔN LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP**

## **CHƯƠNG MỘT : KHÁI NIỆM MỞ ĐẦU**

### **I. LUÂN LÝ LÀ GÌ**

- 1) Sự cần thiết
- 2) Định nghĩa Luân lý
- 3) Sự hình thành luân lý dân tộc

### **II. THẾ NÀO LÀ LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP**

- 1) Phân biệt : Nghề lương thiện và nghề bất lương
- 2) Định nghĩa luân lý chức nghiệp

### **III. LƯƠNG TÂM VÀ NGHĨA VỤ NGHỀ NGHIỆP**

- 1) Lương tâm nghề nghiệp
- 2) Nhiệm vụ và nghĩa vụ nghề nghiệp

## **CHƯƠNG HAI : LUÂN LÝ VỚI PHÁP LUẬT VÀ KHOA HỌC**

### **I. LUÂN LÝ VỚI PHÁP LUẬT**

- 1) Luân lý là nguồn gốc của Pháp luật
- 2) Luân lý bổ túc cho pháp luật

### **II. LUÂN LÝ VỚI KHOA HỌC**

- 1) Khoa học không thể thay thế cho luân lý
- 2) Luân lý hướng dẫn Khoa học

### **III. KẾT LUẬN**

## **CHƯƠNG BA : ĐỊA VỊ CỦA NHÀ GIÁO, GIÁO CHỨC NGÀY XƯA VÀ NGÀY NÀY**

### **I. THỜI NHO HỌC**

- 1) Quan niệm sự học trong thời Nho học

2) Nghĩa vụ của nhà giáo

3) Địa vị của nhà giáo trong xã hội

## II. THỜI PHÁP THUỘC

1) Mục đích và sự học thời Pháp thuộc

2) Hai loại thầy giáo và trách nhiệm của họ

3) Địa vị của nhà giáo trong xã hội

## III. THỜI KỲ PHỤC HỒI CHỦ QUYỀN

1) Quan niệm của quốc dân về giáo dục

2) Các biến chuyển của nền giáo dục quốc gia

3) Địa vị nhà giáo hiện tại và tương lai

## **CHƯƠNG BỐN : TÁC PHONG CỦA NHÀ GIÁO, TINH THẦN LÀM VIỆC**

### I. TÁC PHONG

1) Y phục vóc dáng

2) Cử chỉ ngôn ngữ

3) Tư thái

### II. LƯƠNG TÂM NGHỀ GIÁO

1) Đều đặn

2) Cương nghị

3) Tận tâm

### III. TINH THẦN LÀM VIỆC VÀ UY TÍN NHÀ GIÁO

## **CHƯƠNG NĂM : KIẾN THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHÀ GIÁO, VẤN ĐỀ BỒI BỔ VĂN HÓA VÀ TU SỬA NGHỀ NGHIỆP**

### I. BỒI BỔ VĂN HÓA

1) Văn hóa và văn minh

2) Hình thức tiếp xúc văn hóa

3) Đường lối bồi bổ văn hóa

## II. TU SỬA NGHỀ NGHIỆP

- 1) Lý do tu sửa
- 2) Cách thức tu sửa

## III. KẾT-LUẬN

## **CHƯƠNG SÁU : ĐỜI CÔNG, ĐỜI TƯ GIÁO CHÚC**

### I. ĐỊNH NGHĨA

- 1) Đời công
- 2) Đời tư

### II. HAI QUAN NIỆM

- 1) Tây phương
- 2) Đông phương

### III. ĐỜI SỐNG GIÁO CHÚC

- 1) Cơ cấu nhân cách
- 2) Sinh hoạt nhà giáo

## **CHƯƠNG BẢY : BỒN PHẬN ĐỐI VỚI HỌC SINH – THƯƠNG YÊU, TÌM HIỂU, CÔNG BẰNG**

### I. THƯƠNG YÊU

- 1) Cần thiết
- 2) Giới hạn

### II. TÌM HIỂU

- 1) Tìm hiểu học sinh
- 2) Thái độ cần có

### III. CÔNG BẰNG

- 1) Công bằng trong sự san sẻ kiến thức
- 2) Công bằng trong các đối xử và thưởng phạt

### IV. KẾT LUẬN

## **CHƯƠNG TÁM : BỒN PHẬN ĐỐI VỚI CÁC NHÂN VIÊN HỌC CHÍNH, TY TRƯỞNG, THANH TRA, HIỆU TRƯỞNG ĐỒNG NGHIỆP VÀ NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG**

### **I. NGUYÊN TẮC CĂN BẢN**

### **II. BỒN PHẬN ĐỐI VỚI TY TRƯỞNG VÀ THANH TRA**

**1) Ty trưởng**

**2) Thanh tra**

### **III. BỒN PHẬN ĐỐI VỚI HIỆU TRƯỞNG, ĐỒNG NGHIỆP VÀ NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG**

**1) Hiệu Trưởng**

**2) Bồn phận đối với đồng nghiệp**

**3) Bồn phận đối với nhân viên nhà trường**

### **IV. KẾT LUẬN**

## **CHƯƠNG CHÍN : GIAO THIỆP VỚI CÁC NHÂN VIÊN HÀNH CHÁNH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TRƯỞNG, QUẬN TRƯỞNG, VIÊN CHỨC ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ**

### **I. TỈNH TRƯỞNG**

**1) Nhiệm vụ Tỉnh Trưởng**

**2) Thái độ giáo chức**

### **II. QUẬN TRƯỞNG**

**1) Nhiệm vụ Quận trưởng**

**2) Thái độ giáo chức**

### **III. ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ**

**1) Nhiệm vụ ủy ban hành chánh xã**

**2) Thái độ giáo chức**

### **IV. KẾT LUẬN**

## **CHƯƠNG MƯỜI : GIAO THIỆP VỚI PHỤ HUYNH HỌC SINH**

## I. TƯƠNG QUAN HỌC ĐƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

- 1) Thế quân bình
- 2) Tương quan đảo lộn

## II. HIỆN TRẠNG HỢP TÁC HỌC ĐƯỜNG GIA ĐÌNH

- 1) Mâu thuẫn
- 2) Nguyên nhân

## III. MỘT QUAN NIỆM ĐÚNG ĐẮN HỢP TÁC HỌC ĐƯỜNG GIA ĐÌNH

- 1) Sự cần thiết
- 2) Nguyên tắc
- 3) Các Phương thức

## IV. KẾT LUẬN

# **CHƯƠNG MƯỜI MỘT : GIÁO CHỨC VỚI CÁC CÔNG VIỆC BỒ TÚC GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

## I. Ý NIỆM ĐẠI CƯƠNG

## II. SINH HOẠT HỌC SINH (HIỆU ĐOÀN)

- 1) Mục đích
- 2) Tổ chức
- 3) Sinh hoạt
- 4) Ích lợi

## III. HỌC CỤ KHỐ, HỌC ĐƯỜNG VIÊN, CHUỒNG CHĂN NUÔI

- 1) Học cụ khố
- 2) Học đường viên, chuồng chăn nuôi

## IV. HỢP TÁC XÃ HỌC SINH

- 1) Mục đích
- 2) Tổ chức



## V. BỒN PHẬN CỦA GIÁO CHỨC VỚI CÔNG VIỆC BỒ TÚC GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

- 1) Óc tổ chức, tài tháo vát
- 2) Trí sáng kiến, tài hướng dẫn

## VI. KẾT LUẬN

## **CHƯƠNG MƯỜI HAI : SÁCH VÀ TỦ SÁCH CHO HỌC SINH**

### I. SỰ CẦN THIẾT

### II. SÁCH GIÁO KHOA VÀ SÁCH ĐỌC CÓ TÍNH CÁCH GIÁO DỤC

- 1) Sách giáo khoa
- 2) Sách đọc (Đức dục và trí dục).

### III. CÔNG VIỆC CỦA GIÁO CHỨC

- 1) Lựa chọn sách
- 2) Tủ sách học sinh
- 3) Soạn sách

### IV. TỔNG KẾT

## **CHƯƠNG MƯỜI BA : ĂN LOÁT VÀ BÁO CHÍ HỌC ĐƯỜNG**

## **CHƯƠNG MƯỜI BỐN : MỘT VÀI NHÀ GIÁO LỚN**

### I. CELESTIN FREINET

### II. CHU VĂN AN

### III. VÕ TRƯỜNG TOẢN

**LÊ THANH HOÀNG DÂN**

Trưởng Ban Kinh Tế Chánh Trị 67-71

Trường Sư Phạm Saigon

Phó Chủ Tịch Hội Nghiên Cứu Triết Học

**NGUYỄN HÒA LẠC**

Giáo Sư Sư Phạm

Trường Sư Phạm Saigon

**LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP**

**TRẺ** xuất bản

68 Nguyễn Biểu, Cholon

1971

**LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP**, của **LÊ THANH HOÀNG DÂN** và **NGUYỄN HÒA LẠC**, bìa **NGUYỄN ĐỒNG**, kỹ thuật **NGUYỄN VƯƠNG**, ấn phẩm thứ sáu của nhà xuất bản **TRÉ**.  
In lần đầu 2.000 cuốn tại nhà in riêng của nhà xuất bản.

## **TỦ SÁCH GIÁO-DỤC** dưới sự điều khiển của **TRẦN HỮU ĐỨC**

- Lịch-sử Giáo-dục, Roger Gal. Bản dịch : Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức
- Triết-lý Giáo-dục, Jean Chateau. Bản dịch : Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức
- Kinh-nghiệm Nhà giáo, Trần Hữu Đức và Lê Thanh Hoàng Dân dịch
- Giáo-dục mới, Trần Hữu Đức và Lê Thanh Hoàng Dân dịch
- Luân-lý Chức-nghịệp, Nguyễn Hòa Lạc và Lê Thanh Hoàng Dân.
- Các Vấn-đề Giáo-dục (Quyển 1 và 2), Lê Thanh Hoàng Dân, Trần Hữu Đức, Nguyễn Hòa Lạc, Dương Mạnh Thường, Nguyễn văn Trang, Nguyễn văn Hữu, Nguyễn văn Chấn, Long Điền.

## **TỦ SÁCH TÂM-LÝ** dưới sự điều khiển của **LÊ THANH HOÀNG DÂN**

- Tâm-lý Nhi-Đồng, Maurice Percheron. Bản dịch : Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức
- Tâm-lý Giáo-dục (5 quyển), Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức dịch.
- Phái Nữ, Simone de Beauvoir. Bản dịch : Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức
- Phương pháp Sư phạm, Guy Palmade. Bản dịch : Lê Thanh Hoàng Dân và Nguyễn Hòa Lạc.
- Tâm-lý Tình Cảm, Edgar Pesch. Bản dịch : Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức
- Tánh Tình và Giáo-dục, Trần Hữu Đức và Lê Thanh Hoàng Dân dịch.
- Trẻ khó dạy, Trần Hữu Đức và Lê Thanh Hoàng Dân biên khảo.

Kính tặng NHÀ GIÁO VÔ DANH đã âm thầm hy sinh cho tương lai đất nước.

Thân tặng các em GIÁO SINH và CỰU GIÁO SINH Trường Sư Phạm Saigon, CÁC EM GIÁO SINH Đại Học Sư Phạm Hòa Hảo.

## LỜI NÓI ĐẦU

*Môn LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP là môn mở đầu cho môn thứ hai của chương trình ban Sư Phạm thường xuyên là môn Giao tế xã hội.*

*Hai môn học bổ túc nhau và chỉ dẫn cho nhau. Đó là hai môn Kiến thức chuyên nghiệp nhằm tạo uy tín tinh thần cho nhà giáo.*

*Mục đích của Luân lý chức nghiệp là cấu thành một nhân cách Sư Phạm. Như vậy nhà giáo, ngoài kiến thức chuyên môn cần có để giảng dạy, còn phải được học hỏi về Sư Phạm, Tâm Lý Nhi Đồng... cũng như cần phải trao dồi, cô kết các kinh nghiệm, tập quán nghề Thầy.*

*Trong kiến thức chuyên nghiệp không thể thiếu Luân lý chức nghiệp. Hơn nữa truyền thống lâu đời của nghề giáo là nghề thanh cao, vậy Luân lý chức nghiệp phải chiếm vai quan trọng.*

*Ở Đông Nam Á có bốn quốc gia có môn này trong chương trình đào tạo giáo chức : Việt Nam, Cam Bốt, Lào và Iran. Đây là ý tưởng đáng khuyến khích để giúp tạo thành và xác định thái độ nghề nghiệp.*

*Đây cũng là thái độ ý thức, chấp nhận nghề nghiệp cho giáo sinh là kẻ còn trong thời kỳ đào tạo, và sự tận tâm phục vụ cùng cải tiến nghề nghiệp cho giáo chức đã phục vụ.*

*Viết quyển sách nhỏ này, chúng tôi luôn luôn nhớ tới các giáo chức còn ở bên ngoài trường Sư Phạm, ở các tư thực ; chính họ đã có những khuynh hướng nghề nghiệp không kém gì các giáo chức chánh ngạch của quốc gia. Họ là những nhà giáo vô danh âm thầm xây dựng một thế hệ tương lai, khuynh hướng nghề nghiệp thật phong phú, xả thân vì nghề.*

*Quyển sách nhỏ này mong muốn giúp cho tất cả các giáo sinh và những ai sắp bước vào nghề nhưng chưa có dịp học nghề, có được một thái độ « trung bình » của nghề mình, chấp nhận và tinh tiến hơn trong nghề.*

*Đối với các giáo chức còn trong giai đoạn vào nghề, quyển sách này giúp các bạn có dịp trao đổi, thảo luận để làm sáng tỏ vấn đề hơn, vì có những điều mà sách này không thể quảng diện đầy đủ được.*

*Công việc khiêm tốn này chắc vẫn còn nhiều khuyết điểm ; kính mong những bậc kinh nghiệm trong nghề chỉ giáo lỗi lầm để tăng bổ sau này.*

**Saigon, ngày 20-2-71**  
**TÁC GIẢ**



# CHƯƠNG TRÌNH : MÔN LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP

**(1 giờ mỗi tuần, năm thứ nhất)**

Môn học tinh thần này thật là hệ trọng giữa lúc những giá trị luân lý trong xã hội ta đương ở trong cơn thử thách nguy hiểm hiện nay.

Có nhiều thanh niên thi vô Sư Phạm vì những lý do khác hơn là vì ham thích **NGHỀ THẦY**. Cho nên trong thời gian huấn luyện, nhiệm vụ tinh thần của nhà trường thật nặng, vừa giúp sao cho giáo sinh ý thức được giá trị cao quý của bốn phạm làm thầy, vừa giúp sao cho họ phát huy được những giá trị tinh thần của Á Đông trong đám thiếu niên sau này.

CHƯƠNG 1 : Khái niệm mở đầu : Định nghĩa Luân Lý Chức Nghiệp, Luân Lý với Pháp Luật và Khoa học, Lương tâm và Nghĩa vụ nghề nghiệp, Vấn đề bồi bổ Văn Hóa.

CHƯƠNG 2 : Nghề thầy : Giáo chức ngày xưa và ngày nay. Tác phong nhà giáo.

CHƯƠNG 3 : Tinh thần làm việc : Điều đặn, Cương Nghị, Tận Tâm.

CHƯƠNG 4 : Bốn phạm đối với bản thân : Giáo chức phải tu sửa nghề mình suốt đời. Đời công, đời tư của giáo chức.

CHƯƠNG 5 : Bốn phạm đối với đồng nghiệp, với Ban Giám Đốc và nhân viên nhà trường.

CHƯƠNG 6 : Bốn phạm đối với học sinh.

CHƯƠNG 7 : Bốn phận đối với nhà chức trách : các vị Ty Trưởng và Thanh Tra học chánh, Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng, nhân viên Hội Đồng Xã...

CHƯƠNG 8 : Trách nhiệm đối với Phụ Huynh học sinh.

CHƯƠNG 9 : Nhiệm vụ của giáo chức trong các công việc phụ vào việc giáo dục của nhà Trường.

CHƯƠNG 10 : Tủ sách và sách học của học sinh về phương diện đạo lý.

PHẦN PHỤ THÊM : Giáo sư có thể thuật lại hoặc cho giáo sinh thuyết trình về tiểu sử và thành tích của những nhà giáo dục danh tiếng Việt Nam hay thế giới trong công cuộc phục hưng xứ sở và phục vụ tương lai nhân loại.

# CHƯƠNG MỘT : KHÁI NIỆM MỞ ĐẦU

## I. LUÂN LÝ LÀ GÌ

### 1) Sự cần thiết

**SINH** hoạt của cá nhân trong các đoàn thể, nhỏ như gia đình, lớn như quốc gia, xã hội cần có các giềng mối liên kết. Tình liên kết cá nhân và cá nhân hay các nhân và đoàn thể có vững chắc thì sinh hoạt xã hội mới tốt đẹp.

Khổng Giáo chủ trương « tu, tề, trị, bình » là khi cá nhân được « tu thân » vẹn toàn (thành ý, chính tâm, cách vật trí tri) thì mới có thể điều hành các tổ chức lớn hơn : « tề gia, trị quốc, bình thiên hạ ».

Aristote gọi « Philia » là mối liên kết giữa người với người hay giữa ta với tha nhân (đoàn thể). « Mối liên kết » ấy là dây liên lạc xã hội căn bản, là nền tảng của mọi nhóm lớn nhỏ và của luật pháp.

Nếu con người vì mãi mê tìm kế mưu sinh và lo hạnh phúc cá nhân mà quên lãng đi tập thể trong đó mình sống, nó sẽ bức phá « mối liên kết xã hội », xâm phạm đến quyền lợi và hạnh phúc của kẻ khác. Do đó thể quân bình xã hội không còn. Cho nên khi mối liên kết xã hội hay « công lý xã hội » không còn, con người sẽ sống theo « luật rừng rú », mạnh được yếu thua. Do đó :

*« Nhân tâm duy nguy,  
Đạo tâm duy vi  
Duy tinh, duy nứt  
Doãn chấp quyết trung ».*

Ngược lại, nếu cá nhân tu sửa, trau dồi đức hạnh sẽ cảnh tỉnh được kẻ khác. Dân tộc lớn muốn ức bách dân tộc nhỏ, thì dân tộc nhỏ càng lo trau dồi đức hạnh cá nhân, đoàn kết dân tộc đánh đuổi ngoại xâm. Nhưng đồng thời cũng cảnh tỉnh được dân tộc lớn biết được cái công lý xã hội.

## **2) Định nghĩa Luân lý**

Cũng vì vậy cộng đồng nhỏ hay lớn muốn tồn tại cần có quy luật, thể thống, giáo điều ràng buộc sinh hoạt cá nhân và điều hòa mối liên kết xã hội. Những quy luật, thể thống, giáo điều ấy còn gọi là luân thường đạo lý hay nói ngắn lại là LUÂN LÝ.

Theo Đào Duy Anh (Hán Việt Tự Điển) :

- LUÂN là thứ tự, trật tự
- LÝ là lẽ phải

Luân lý là những điều lý về đạo đức của loài người. Luân lý học là môn học nghiên cứu về hành vi của cá nhân ở trong đoàn thể và định những qui tắc cho những hành vi ấy. Đó là một môn học qui phạm « *dạy những qui tắc con người phải theo để làm điều lành và tránh điều dữ* ».

Đó là môn học về *những điều phải có, chứ không phải những điều hiện có* nhằm đạt đến cứu cánh của con người.

Tóm lại : « *Luân lý là cái thể thống theo đó, bất cứ một ai, khi hành sự, cũng phải tôn trọng « công lý » đúng như nhau* ». (theo Nguyễn Gia Tường)

Như vậy, luân lý kêu gọi đến lương tâm, lương tri (phạm vi vô hình) để đạt đến trật tự xã hội (phạm vi hữu hình). Khi luân lý được xã hội chấp nhận thì ai cũng lấy đó đánh giá giá trị tư tưởng và hành động của mình cùng với kẻ xung quanh.

### **3) Sự hình thành luân lý dân tộc**

Luân lý là những giá trị truyền thống của một dân tộc. Nó được tạo dựng do nền văn hóa của dân tộc :

*« Văn hóa là một toàn thể hết sức phức tạp gồm những điều hiểu biết, những nguồn tư tưởng, những gì liên quan đến nghệ thuật, luân lý, luật pháp, những tập quán, phong tục và tất cả những bẩm tính, những thói quen mà con người đã thu nhận được với tư cách là một con người, phần tử trong một tập thể ».* (theo Taylor)

Chính nếp sinh hoạt đã tạo nên mối liên kết xã hội và theo thời gian cấu tạo *dân tộc tính*, còn gọi là *ý thức dân tộc*. Trật tự, mối điều hòa xã hội là những cố gắng của các cá nhân sáng suốt (siêu phàm) đã xây dựng, vươn tới các giá trị.

Nếu vì một lý do nào mà xã hội không còn duy trì được ý thức dân tộc (gián đoạn và ngoại thuộc) thì cũng những cá nhân sáng suốt (nhà cách mạng) đứng ra hô hào, kêu gọi các phần tử nối kết lại ý thức dân tộc mà đánh đuổi ngoại xâm.

Trong trường hợp không có những cá nhân sáng suốt nối kết ý thức dân tộc, gián đoạn bằng nhiều thế hệ, thì ảnh hưởng văn hóa ngoại bang sẽ làm lu mờ ý thức dân tộc. Các

cá nhân không còn thông cảm nhau, các giá trị xã hội sẽ không còn được cá nhân tôn trọng. Đó là thời kỳ ngoại thuộc nhục nhã có thể làm tan rã hết mọi cơ cấu của xã hội mà các phần tử sẽ là những thành phần vong bản, vọng ngoại, mất cả ý chí và ý thức vùng dậy lật ách thống trị. Cá nhân sẽ quên hết truyền thống dân tộc mà chạy đuổi theo giá trị mà ngoại nhân đem lại (trường hợp V.N. thời Bắc thuộc, thời Pháp thuộc và đặc biệt tình trạng xã hội V.N. hiện tại).

## **II. THẾ NÀO LÀ LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP**

### **1) Phân biệt : Nghề lương thiện và nghề bất lương**

Trong trạng thái sinh hoạt sơ khai : săn bắn, chài lưới, hái lượm, sinh hoạt chưa chuyên môn hóa để thành nghề nghiệp. Càng tiến bộ trong kỹ thuật tìm kiếm sinh nhai : con người quen dần với sinh hoạt của mình, chuyên biệt hóa cá nhân tạo thành nghề nghiệp.

Xác định một nghề nghiệp trong hiện tại thật là khó khăn, bởi lẽ sinh hoạt xã hội ngày nay thật là phức tạp vì sự phân công, vì sự tiến bộ kỹ thuật, vì sự chuyên biệt hóa cá nhân do cách tổ chức kinh tế càng ngày càng phát triển.

Theo những thống kê gần đây, tại Hoa Kỳ có tới lỗi 30.000 sinh hoạt khác nhau. Dĩ nhiên, một cá nhân kiêm nhiệm năm bảy nghề một lúc ; vì vậy trước kia có lỗi sinh hoạt đơn giản, tiêu chuẩn luân lý thông thường cũng đủ, nhưng khi con người đồng thời hành xử nhiều nghề riêng biệt, tiêu chuẩn lương tâm thật là cần thiết.

Nếu lối sinh hoạt nghề nghiệp thuận với luân lý, bổ ích cho xã hội, nghề ấy được coi là nghề lương thiện. Thí dụ : nghề viết báo, nghề y dược, nghề dạy học, nghề khâu vá, nghề nông...

Ngược lại nếu sinh hoạt nghề nghiệp trái với luân lý, tác hại xã hội, không được luật pháp chấp nhận, nghề ấy được coi là nghề bất lương, con người chỉ hành xử lén lút mà thôi. Thí dụ : nghề buôn lậu, nghề cờ bạc.

Cũng theo tiêu chuẩn lợi ích xã hội, ngay trong các nghề được coi là lương thiện nhưng nếu kẻ hành nghề thiếu căn bản luân lý thì người hành nghề cũng là một người bất lương.

Thí dụ : nghề y dược là một nghề lương thiện, nhưng nếu hành nghề chệnh mảng, hại bệnh nhân, người này cũng là một người bất lương.

Người ta phán đoán một nghề thường lệch lạc và không thích nghi, dù là nghề chân tay hay nghề trí óc, nhưng kẻ hành nghề đem hết lương tâm và làm tròn nghĩa vụ vẫn đáng trọng như nhau :

*« Nghề nào cũng trọng cũng hay,  
Làm quan cũng quý đi cày cũng sang ».*

## **2) Định nghĩa luân lý chức nghiệp**

Mục đích Luân lý chức nghiệp là hướng dẫn kẻ hành nghề làm tròn nghĩa vụ nghề nghiệp, đem lại lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Quan niệm đứng đắn nghề nghiệp trong truyền thống luân lý, trong căn bản dân tộc, xã hội hiện tại

và tương lai sẽ tốt đẹp. Cũng vì vậy mưu mẹo của kẻ gian manh trong nghề cũng giảm bớt đi.

*« Luân lý chức nghiệp là một ngành luân lý căn bản áp dụng trong nghề nghiệp, đó là ngành cho một hướng tiến minh bạch góp phần làm lợi cho xã hội ».*

### **III. LƯƠNG TÂM VÀ NGHĨA VỤ NGHỀ NGHIỆP**

#### **1) Lương tâm nghề nghiệp**

Lương tâm hoặc là lương tri là năng khiếu khiến cá nhân biết phân biệt điều hay lẽ phải điều dở lẽ quấy.

Theo Freud, siêu ngã quân bình với bản năng có yếu tố lương tâm. Lương tâm là phản ứng có điều kiện do sự việc cá nhân chạm vào thực tế. Lương tâm do kinh nghiệm bản thân và tạo thành bản tính thứ hai.

Trình độ lương tâm không đồng đều (tánh cách tương đối) và do giáo dục tu dưỡng, trau dồi mỗi ngày thêm sáng suốt, đồng thời vạch lấy đường lối phải theo và cách xử thế tránh sai lầm.

Một khi lương tâm vững chắc, người ta tránh xa nghề bất lương. Ngay trong nghề lương thiện, lương tâm chiếu rọi hướng dẫn kẻ hành nghề để hành xử nghề khỏi di hại xã hội.

Do đó người ta thường phân biệt trong bất kỳ nghề nào :

- *Kẻ sĩ* là tinh thần « trọng nghĩa » hơn danh lợi.
- *con buôn* : là tinh thần « vụ lợi » háo danh.



Thí dụ : trong giới nông, công, thương cũng có « kẻ sĩ » và trong giới « sĩ » chẳng thiếu gì người có tinh thần trực lợi thiên cận của « con buôn ».

## **2) Nhiệm vụ và nghĩa vụ nghề nghiệp**

**a) *Nhiệm vụ hay chức vụ*** : gắn liền với địa vị, vì một khi có địa vị thì phải có chức vụ. Đó là phần vụ phải làm tròn khi đã có một địa vị trong bậc thang xã hội. Nó có tánh cách cưỡng chế, nếu không, sẽ chịu những hình phạt thực tế (luật pháp hay dư luận) qui định.

Thí dụ : nhiệm vụ thầy giáo là giảng bài, chấm bài, giữ gìn kỷ luật, v.v... nếu xao lãng thì cấp chỉ huy sẽ « ngó » đến.

**b) *Nghĩa vụ*** : là trong chức vụ của mình, *lương tâm sáng suốt thúc đẩy người ta đem hết tâm lực* thực hiện điều hay đẹp trong nghề. Nếu không làm tròn sẽ bị các hình phạt siêu nhiên của đạo giáo hay lương tâm :

- Nhiệm vụ có giới hạn, nghĩa vụ không bờ bến.
- Nhiệm vụ thuộc pháp luật, nghĩa vụ thuộc luân lý.

Lương tâm bị che mờ thì không trông thấy nghĩa vụ hay không đủ gây băn khoăn, thắc mắc hành nghề. Do vậy, lương tâm có trau dồi sẽ giúp người ta chọn nghề ích lợi xã hội. Và khi có nghề rồi, cũng chính lương tâm giúp làm tròn nghĩa vụ.

Lương tâm là đầu mối của tất cả.

# CHƯƠNG HAI : LUÂN LÝ VỚI PHÁP LUẬT VÀ KHOA HỌC

## I. LUÂN LÝ VỚI PHÁP LUẬT

### 1) Luân lý là nguồn gốc của Pháp luật

**TRONG** xã hội quân bình, luân lý hướng dẫn hành động của cá nhân, ấn định phạm vi các sinh hoạt. Một số cá nhân hành động theo cứu cánh của luân lý (công bình của xã hội) được xã hội cho là « nhân ái » còn một số cá nhân gian manh xâm phạm « mối liên kết » xã hội là kẻ áp bức, bóc lột. Vì vậy cần có pháp luật để bảo vệ kẻ cô thế.

« Pháp luật là toàn thể các qui luật điều hòa mối liên hệ của con người trong cùng một xã hội ».

Vì thế nơi nào có xã hội thì có pháp luật.

Pháp luật bắt buộc con người phải theo và đặt ra hình phạt trừng trị kẻ phạm pháp, tức là pháp luật qui định những hạn chế cho tự do của con người.

Pháp luật bắt nguồn từ luân lý khi mà luân lý được mặc thị chấp nhận.

Thí dụ : Chủ nhân đem lòng nhân đối với công nhân trong nông trại được xem là nhân từ, độ lượng : nhưng trong tổ chức điều hành ngày nay muốn cho nông trại được nhiều lợi tức bắt buộc chủ nhân bóc lột công nhân, vì thế pháp luật phải ấn định mức lời của chủ nhân và lương bổng của công nhân.

Cũng trong quan niệm này pháp luật càng chặt chẽ thì trật tự xã hội càng được duy trì, do đó không còn luân lý nữa.

## **2) Luân lý bổ túc cho pháp luật**

Nhưng trên thực tế pháp luật dù đầy đủ đến đâu cũng không thể thay thế được luân lý.

Khốn nỗi « Pháp lập nhi tề sinh », kẻ gian manh cũng tìm mọi cách để vượt ra pháp luật, và pháp luật càng tỏ ra vô hiệu. Vì vậy có sự tu chỉnh pháp luật.

Nhưng tác dụng của pháp luật chỉ công hiệu đến mức độ kiểm điểm được phần nào lòng người theo những lời nói và hành vi phát lộ ra ngoài mà thôi.

Do đó, *cải tiến pháp luật phải đi đôi với sự bồi bổ luân lý.*

Đối với người hành nghề, nhất là các nghề quan hệ đặc biệt đến đời sống của dân chúng, Pháp luật đòi hỏi kẻ hành nghề một số bảo đảm nhiều ít tùy theo sự hệ trọng của nhiệm vụ : học lực, văn bằng chuyên môn, thời gian tập sự. Trường hợp tế nhị thì đặt ra « lễ tuyên thệ » (thẩm phán, y-sĩ...)

Tuy nhiên, kẻ hành nghề có hết nghĩa vụ hay không vẫn là phạm vi luân lý.

Chung quy luân lý vẫn là khuôn khổ của đời sống xã hội.

## **II. LUÂN LÝ VỚI KHOA HỌC**

### **1) Khoa học không thể thay thế cho luân lý**

Trong thế kỷ này, kỹ thuật đẩy khoa học tiến quá xa và có thể đưa dẫn đến vực thẳm tận diệt toàn thể thế giới, nếu con người không còn lương tri của con người.

Cội rễ luân lý đã có từ khi con người xuất hiện và *nhịp tiến hóa thì chẳng bao nhiêu*, còn khoa học xuất hiện mới hai thế kỷ nay, nhưng *nhịp tiến hóa quá mạnh*.

*Khoa học tiến, luân lý lùi :*

- Được các tiện ích, con người càng khinh thường thiên nhiên, không cần nhờ vả đến ai, ngay cả các lực lượng siêu nhiên hay tinh thần (nhân sinh quan của người Mỹ).

- Kẻ gian manh càng khéo léo và pháp luật càng tỏ ra bất lực (nhất là quốc tế pháp). Nhưng sự thật ta thấy gì ? Tất cả đều là ảo tưởng. Ngày nay con người càng ngày càng ghê tởm khoa học, số người mong muốn cuộc sống gần với thiên nhiên càng gia tăng (hippies, Puritains... nhất là Đông Phương từ lâu vốn nặng về luân lý càng có dịp công kích tiến bộ khoa học), số người gia nhập các tôn giáo càng gia tăng và sự xuất hiện của các tôn giáo hay triết lý « hòa đồng » (Thiên chúa giáo cải cách, Ba'hai, Dưỡng sinh...)

## **2) Luân lý hướng dẫn Khoa học**

Cho dù khoa học là lực lượng vạn năng, nhưng quyết định hành động là do lòng người và lòng người muốn phục vụ lợi ích thiên cận để tận diệt đối thủ hay phục vụ luân lý để « sống chung, sống cùng, sống với » mọi người. Không ai muốn họa diệt vong, do đó cho nên tiến bộ khoa học cũng cần phải nằm trong phạm vi xây dựng luân lý. Luân lý càng lúc càng cần được trau dồi trong sáng hơn.

### **III. KẾT LUẬN**

Tóm lại, pháp luật cũng như khoa học đều là « con đẻ » của luân lý. Tiến bộ của pháp luật, của khoa học đều vô hiệu nếu không có luân lý soi sáng. Pháp luật và khoa học chỉ là phương tiện, luân lý mới là cứu cánh. Ấy là cái lý tưởng tuyệt đối để củng cố xã hội. Việt Nam đã có sẵn luân lý truyền thống dân tộc, đó là một ưu điểm mà việc trau dồi thêm trong sáng thật là cần thiết.

## CHƯƠNG BA : ĐỊA VỊ CỦA NHÀ GIÁO, GIÁO CHỨC NGÀY XƯA VÀ NGÀY NAY

**TRUYỀN** thống : « Quân, Sư, Phụ » có từ thời cổ và « nghề dạy học là nghề cao quý ». Nhà giáo có uy tín đối với Quốc dân và là kẻ hướng dẫn tinh thần dân tộc. Lịch sử dân tộc biến chuyển, địa vị nhà giáo cũng biến chuyển theo.

Có thể phân biệt ba thời kỳ : Thời Nho học, thời Pháp thuộc và thời phục hồi chủ quyền.

### I. THỜI NHO HỌC

Thầy Khóa, thầy Đồ (trước đó thời Lý Cầm, Lý Tiến, Trương Trọng, các Nho sĩ sang du học Trung Hoa, giáo dục còn lẻ tẻ). Giáo dục Việt Nam bắt đầu có tổ chức từ Sĩ Nhiếp (187-226) và chịu ảnh hưởng học thuật Khổng Mạnh. Ở khắp nơi có thầy Khóa, thầy Tú, ông Đồ. Cụ Đồ hay « ngồi bảo học » tại tư gia, hoặc tự ý mở trường, sinh sống bằng nghề gõ đầu trẻ.

#### 1) Quan niệm sự học trong thời Nho học

**a)** *Tánh cách đạo-lý* : Trong thời kỳ Quốc gia hưng thịnh, *ảnh hưởng tam giáo Nho Phật Lão rất mạnh*. Từ ảnh hưởng Phật học độc tịnh trải qua Tam giáo tịnh tập và đến ảnh hưởng Nho học độc tôn. Đặc điểm là đầu ảnh hưởng nào, giáo dục Khổng Mạnh vẫn là nguồn học vấn duy nhất của mọi tầng lớp xã hội. Bởi lẽ việc giảng dạy chữ Hán phát triển là nhờ các tăng già ở các chùa chiền. Họ là những cao tăng kiêm Nho học.

Xem thể qua chữ Hán, địa vị Nho học chiếm phần ưu thắng ; phụ huynh cho con đi học là để được « năm, ba chữ thánh hiền » tức là để biết cái đạo làm người (tam cương ngũ thường).

**b) *Tánh cách khoa cử*** : Tiêu chuẩn đạo lý cũng được kẻ trị quốc dùng làm tiêu chuẩn tuyển chọn kẻ giúp việc chánh quyền. Đạo học chuyển hướng lần sang cử nghiệp. Khi đã nhiễm nặng tánh cách khoa cử, việc học xa lần đạo lý mà chỉ mưu đồ danh lợi phẩm tước.

## **2) Nghĩa vụ của nhà giáo**

Việc học vẫn là việc hoàn toàn tự do, ai cũng được đi học. Từ bậc Tiểu học đến bậc Đại học nhân dân lo liệu lấy. Thầy học là các *hàn nho* không xuất chinh hay các *hiển nho* và chí sĩ dạy hàng trăm, hàng ngàn học trò.

« *Ngay ở bậc Đại học cũng có những danh nho trong hàng khoa bảng, hoặc không xuất chinh, hoặc làm quan rồi về chí sĩ ở nhà dạy học... học trò thường tìm đến học các thầy có tiếng, nhiều khi trường công bỏ vắng mà trường tư trái lại rất đông* ». (NGHIÊM TOÀN, V.N Văn Học sử)

Thầy học lấy *Thư, Kinh* làm phương tiện giáo hóa, ông phải có nhiệm vụ giảng giải cho gọn nghĩa không được sai lạc tinh thần đạo lý. Hơn nữa ông thầy *nêu cao đạo lý Thánh Hiền bằng kiến thức và nếp sống của mình*. Xã hội không bắt buộc ông thầy phải có văn bằng hay trình độ tối thiểu nào, nhưng ông thầy vẫn hoàn thành nghĩa vụ của mình một cách hoàn hảo.

Dạy học là một nghĩa vụ tôn nghiêm. Thầy học nêu gương Thánh Hiền thì học trò cũng phải sống theo gương mẫu đó. Học trò thầy đều hết lòng kính thầy, *thầy được trọng hơn cha*. Thầy chết học trò để tang 3 năm. Các trò trong trường thành *Hội Đồng môn*, do thầy lập ra hoặc do môn sinh tự lập (trưởng tràng, giám tràng, cán tràng). Tất cả học sinh dù chỉ học một ngày cũng phải gia nhập và phải đóng góp suốt đời : « nhất tự vi sư, bán tự vi sư ». Thầy học không có lương bổng. Các môn sinh phải cung phụng thầy. Bình thường đời của thầy cùng gia đình rất đạm bạc.

Nghĩa vụ của nghề thầy đã xây dựng một nền tảng gia đình và quốc gia vững chắc.

### **3) Địa vị của nhà giáo trong xã hội**

Xã hội không minh thị qui định địa vị ông thầy, nhưng trên thực tế uy tín ông thầy rất lớn.

Ngoài ảnh hưởng trên các môn sinh của mình nhà giáo còn là kẻ hướng dẫn tinh thần thôn xã. Mỗi khi có điều gì khó khăn, thắc mắc người ta thường vấn kế. Có khi các chánh trị gia đương thời hay các quan lại đang cầm quyền cũng đến vấn kế các bậc *danh sư* (Chu văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng khắc Khoan, Võ trường Toàn...)

Học sinh không khi nào dám có thái độ hỗn xược với thầy học. Còn về phần thầy thì luôn luôn vẫn giữ lấy nếp sống gương mẫu, ăn ở thanh bạch cùng bảo toàn tiết tháo, « giấy rách giữ lấy lề ».

Tóm lại, Nho học độc chiếm, ông thầy V.N đã xứng đáng với nghĩa vụ của mình. Nho học không Trung Hoa hóa người



Việt mà ngược lại, dân tộc đã Việt Nam hóa Nho học.

## **II. THỜI PHÁP THUỘC**

Thầy giáo Pháp và thầy giáo bản xứ :

### **1) Mục đích và sự học thời Pháp thuộc**

Pháp mở mang giáo dục là để đào tạo những người thừa hành trong cơ quan chánh quyền. Hơn nữa, thực chất giáo dục Pháp là để cho thanh niên Việt Nam chạy đuổi theo khoa cử và công danh phú quý hầu quên hết nhuệ khí đấu tranh dân tộc.

Sự học đã trở thành một *kỹ thuật mưu sinh* vì có học sẽ có ngay danh vọng, chỉ cần biết chút đỉnh tiếng Pháp là có thể « thông ngôn » vinh thân phì gia :

*« Nào có ra gì cái chữ Nho,  
Ông Nghè Ông Cống cũng nằm co,  
Chi bằng đi học làm thầy Phán,  
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò ».*  
(TRẦN-TẾ-XƯƠNG)

Nền nho học lùi dần trước nền Tân học của kẻ thống trị, tính chất cử nghiệp gồm cả lợi lẫn danh. Dù là thiếu chánh nghĩa, nền Tân học thật hấp dẫn đã lấn áp nền học cũ. Nền học cũ chỉ còn theo đuổi trong im lặng như một tình tự dân tộc không dứt được, và chỉ chờ « một cá nhân » là có thể làm sống dậy.

### **2) Hai loại thầy giáo và trách nhiệm của họ**

Tổ chức giáo dục đồng thời với tổ chức cai trị. Ban đầu là các trường cho con dân Pháp học, về sau nhu cầu học tập của quốc dân gia tăng, nền giáo dục bản xứ phát triển. Từ hai loại chương trình pháp và bản xứ, có hai loại thầy giáo : Thầy giáo Pháp và Thầy giáo bản xứ.

Ước vọng của thanh niên là trở thành một cán bộ chuyên môn chiếm địa vị quan trọng trong cơ cấu chánh quyền. Đáp lại thầy giáo chỉ cố gắng hiển cho họ một « bộ óc Tây Phương » khiến họ xa dần hoàn cảnh văn hóa giống nòi.

- Thầy giáo Pháp, tất nhiên được trọng vọng, làm tròn nhiệm vụ mình tức *truyền bá kiến thức chuyên môn và không bao giờ* biết đến luân lý « *bản xứ* ».

Thầy giáo bản xứ, địa vị kém hơn. Là công chức họ không đi xa hơn trong trách nhiệm giao phó. Ngôn ngữ và hành vi họ bị kiểm soát. Ngoài một đám đông nhà giáo cúi đầu thi hành nhiệm vụ trong « tinh thần ái quốc tiêu cực », một số ít với « tinh thần ái quốc tích cực », bất chấp mọi nghi ngờ của chánh quyền, lẫn xả vào việc khai thông mạch sống « tinh thần dân tộc » chảy khó khăn trên miền đất khô cằn thực dân.

### **3) Địa vị của nhà giáo trong xã hội**

Cả hai loại thầy giáo đều là công chức, có đồng lương bảo đảm, sung túc. Cả hai đều có địa vị khác nhau trong tinh thần khác nhau.

Nhìn chung địa vị và uy tín của nhà giáo giảm sút nhiều :

- Vai trò hướng dẫn tinh thần của nhà giáo không được như vai trò Ông Đồ xưa nữa. Thầy giáo Pháp chỉ được uy tín với các thành phần vọng ngoại. Dân chúng mất hẳn tin tưởng đối với thầy giáo bản xứ vì họ không còn gần gũi dân chúng, đồng thời kiến thức văn hóa của Thầy không còn đủ sáng suốt vạch đường chỉ lối.

- Cũng vì chế độ lương bổng và thuyên chuyển nên Ông thầy xa dần môn sinh của mình và môn sinh cũng không còn được gần gũi và cung phụng cho thầy. Liên lạc thầy và trò lỏng lẻo và nếu có chăng chỉ kỷ niệm mà thôi.

- Trên bậc thang xã hội, nghề thầy kém xa các nghề khác như thầy Phán. Thầy thông, thầy Lục... Thanh niên chỉ đi vào nghề giáo nếu không đi được vào các sinh hoạt khác.

Tóm lại, hệ thống giáo huấn thời Pháp thuộc có tinh thần đồng hóa người Việt Nam. Người Pháp đem giáo dục như một quà tặng bằng danh vọng cho dân bản xứ nguôi lặn tinh thần đấu tranh dân tộc. Tánh chất đạo lý cổ truyền sút giảm trầm trọng.

### **III. THỜI KỲ PHỤC HỒI CHỦ QUYỀN**

Vai trò của nhà giáo biến chuyển nhiều cũng như sự rối ren của lịch sử thời này. Vai trò ấy mang tánh chất mới từ cuộc đảo chánh Pháp của Nhật ngày 9-3-1945. Thời chánh phủ Trần trọng Kim, vai trò giáo dục được đặt lại.

#### **1) Quan niệm của quốc dân về giáo dục**

Dầu là một nền độc lập giả hiệu, tạm thời, dân chúng cũng náo nức bàn đến các vấn đề Quốc gia trọng đại nhất là

vấn đề giáo dục. Thời ấy người ta để ý nhất đến vấn đề mù chữ và vấn đề Cách mạng giáo dục.

**a) Vấn đề mù chữ được đặt nặng :** Với Nghị định ngày 8-9-1945, Chính phủ bắt buộc mọi người phải học quốc ngữ miễn phí. Phong trào càng rầm rộ sau khi có Hội Giáo Dục Bình Dân của Nguyễn văn Tố.

Chương trình bình dân học vụ có hai nguyên tắc :

- Ganh đua : Mỗi gia đình, mỗi xóm, mỗi làng, mỗi Quận, mỗi Tỉnh phải ganh đua xem ai được nhiều thầy dạy, mở được nhiều lớp học và dạy nhiều học sinh.

- Cưỡng bách : Làm tất cả mọi phương pháp khiến người không biết đọc biết viết phải xấu hổ để khuyến khích họ học.

Xem thể đủ thấy hậu quả tai hại của chánh sách giáo dục thời Pháp thuộc và sự non kém của giáo dục Việt Nam thời mới độc lập.

**b) Vấn đề cách mạng giáo dục :**

- Chương trình Tiểu học phải khoa học và thực nghiệm bỏ lý thuyết đặt nặng thực hành và áp dụng kỹ thuật khoa học vào đời sống thực tế.

- Lấy tiếng Việt làm chuyển ngữ để Việt Nam hóa lại nền học vấn Pháp Việt.

- Nâng cao uy thế học đường và địa vị nhà giáo

Phong trào này gây được tin tưởng cho nhiều gia đình nhưng phải bỏ dở vì các biến chuyển chánh trị.

## **2) Các biến chuyển của nền giáo dục quốc gia**

a) Giáo dục sống lây lất vì ảnh hưởng quá mạnh của các yếu tố chính trị.

- Trần trọng Kim đã Việt Nam hóa nền giáo dục. Ông đã thực hiện việc chuyển ngữ tiếng Việt, chương trình Khoa học và thực nghiệm... nhưng những thực hiện của ông tồn tại không lâu.

- Lợi dụng óc non nớt của Trẻ con để bắt buộc chúng vào các đoàn thể Thiếu Nhi Cứu quốc ; giáo chức giảng dạy là các cán bộ và phải theo nội dung giảng dạy do họ đề ra. Nhà giáo không còn một địa vị nào.

**b) Thời chiến tranh lan tràn :** Pháp trở lại, Việt Minh tiếp tục kháng chiến. Giáo dục cũng có hai khu vực :

- Vùng kháng chiến : Ở đồng quê hay rừng núi Việt minh vẫn duy trì chánh sách giáo dục của họ ; nhiều nhà giáo không chịu nổi phải về thành.

- Vùng Quốc Gia : Giáo dục được cải tổ và bành trướng việc đào tạo giáo chức vội vàng để đáp ứng nhu cầu gia tăng học sinh ; nhà giáo không đầy đủ khả năng và lương tâm nghề nghiệp.

**c) Thời phục hồi :** Từ sau 1954, tình hình tạm ổn định, giáo dục được chấn chỉnh.

- *Giáo dục kỹ thuật :* Nhằm thực tiễn hóa nền giáo dục, chuẩn bị việc kỹ nghệ hóa xứ sở (thành lập nhiều trường kỹ thuật ở các Tỉnh, trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ « 1956 »).

- Đại hội Giáo Dục toàn quốc (1958) ấn định ba nguyên tắc cơ bản định hướng nền giáo dục V-N : Nhân bản, dân tộc, khai phóng.

- Việc đào tạo giáo chức Tiểu học gia tăng về phẩm và lượng :

- Trường Sư phạm Hà nội (1919) và Trường Sư phạm Nam Việt (1925) ; điều kiện văn bằng : văn bằng tiểu học, thời gian học tập là 4 năm (tổng cộng 9 năm học).

- Trường Quốc gia Sư Phạm (1953) : Văn bằng Trung Học, học 1 năm (10 năm) : Giáo viên Tiểu học.

- Trường Sư phạm Saigon (1962) :

- Trung học : học 3 năm (12 năm) : giáo học bổ túc.

- Tú tài I : học 2 năm (13 năm) : giáo học bổ túc.

Hiện tại có 5 trường đào tạo giáo chức Tiểu học : SAIGON, VINH-LONG, LONG AN, QUI NHƠN, và BAN MÊ THUỘT, và có nhiều lớp Sư phạm tại nhiều tỉnh (Mỹ Tho, Cần Thơ, Long Xuyên, Sóc Trăng, Phước Tuy, Huế, Đà Lạt, Tây ninh...)

- Khuynh hướng Cộng đồng hóa các trường Tiểu học (1954) giúp nhà trường thích hợp với các nhu cầu địa phương. Chương trình Tiểu học được áp dụng trong một tinh thần mới.

Trong tinh thần cộng đồng, nhà giáo gần gũi với đồng bào, đó là nhà giáo nối lại truyền thống Ông Đồ xưa, ảnh hưởng trên tinh thần đồng bào nông thôn. Nhà giáo sau khi ra trường sẽ tung rải trên khắp nẻo đường đất nước, không

phải chỉ đi dạy chữ mà thôi, mà còn phải góp phần vào việc phát triển cộng đồng nữa.

### **3) Địa vị nhà giáo hiện tại và tương lai**

Phương thức cộng đồng gây tin tưởng cho các giới đối với nhà giáo về kiến thức và uy tín tinh thần :

- Dân chúng đã lần lần *tôn trọng nhà giáo* vì họ sống hòa mình với dân chúng.

- Dân chúng đã thấy sự hữu hiệu của các hiểu biết về cách phát triển cộng đồng do nhà giáo mang tới.

- Chánh quyền, phụ huynh tin cậy và kính nể nhà giáo vì họ được đào tạo cẩn thận cùng hiểu rõ địa vị và nghĩa vụ của mình.

Các cấp chánh quyền giáo dục nâng cao giá trị của nhà giáo, nhưng thật sự uy tín nhà giáo có được hay không là do quan niệm nghĩa vụ của chính các thầy cô. Uy tín ấy do chính họ xây đắp. Họ có đem hết khả năng phục vụ nghề nghiệp chưa ? Họ có giữ gìn tác phong, khéo léo trong các giáo tế chưa ? Nếu được tất cả, tất nhiên họ được yêu quý và kính trọng.

Giáo chức ngày nay phải lấy câu châm ngôn sau đây mà hành động : « *Tài càng cao, đức lại phải càng đầy* ».

# CHƯƠNG BỐN : TÁC PHONG CỦA NHÀ GIÁO, TINH THẦN LÀM VIỆC

## I. TÁC PHONG

**NHÀ** giáo có được uy tín luân lý đó là do tác phong của mình. Tác phong gồm *tất cả những biểu lộ tư thái, những điều bộ của một con người, đó tức là hình dung bề ngoài cùng động thái của cá nhân.*

Do đó, y phục, cử chỉ, ngôn ngữ và tư thái của nhà giáo sẽ là các yếu tố tạo lấy uy tín luân lý của nhà giáo.

### 1) Y phục vóc dáng

Ở Tây phương thời Trung cổ, và ngày nay ở một số nước, có đồng phục cho nhà giáo như một số nghề tri thức trong xã hội. Ở Đông Phương nhà giáo mặc quốc phục tuy không riêng biệt, nhưng thật chỉnh tề như trong các dịp lễ lạc. Bộ đồng phục luôn luôn nhắc nhở nhà giáo rằng họ làm một số nghĩa vụ cao cả như một thiên chức, khiến họ phải giữ gìn cẩn thận trong địa vị ấy.

Nhà giáo nước nhà chưa có đồng phục nhưng phải ăn mặc đứng đắn, chỉnh tề, chớ không được tự do buông thả theo sở thích hay quá theo thời trang, cũng không phải quá săn sóc cách ăn mặc.

Nhà giáo còn cần chú ý đến vóc dáng của mình không nên quá ưu tư, ủ dột, hay ngược lại vui vẻ thái quá : đó chính là thể hiện khí sắc của một nhân cách quân bình.



Tóm lại, nhà giáo cố tránh không để xảy ra việc đáng tiếc trong y phục vóc dáng của mình. Như vậy *nhà giáo hòa mình vui tươi được với địa phương là một lý tưởng.*

## **2) Cử chỉ ngôn ngữ**

Đi đứng khoan thai, nói năng lễ độ, bắt thiệp chững chạc, đó là tác phong nhà giáo cần có, chớ có khoa tay, múa chân, nói năng cười đùa ầm ĩ. Phải giữ phép lịch sự với mọi cấp địa phương. Cử chỉ, ngôn ngữ phải thật đứng đắn, cẩn trọng, nhất là đối với kẻ khác phái, tranh vui đùa nhảm nhí, suồng sã.

Nhà giáo tránh xen vào các việc địa phương ; nhất là đối với các tập tục hương ẩm, nhà giáo cần khéo léo tế nhị. Nếu muốn có một vài cải cách, phải từ từ chớ quá quyết liệt mà gặp phải sự chống đối.

## **3) Tư thái**

Đó là động thái hay phản ứng cá nhân trong một môi trường. Nó gồm một số hành vi biểu lộ ý tưởng của nhà giáo.

Đối với một vấn đề dầu là tầm thường, dầu là khó khăn, nhà giáo phải tỏ ra quân bình, mực thước, chớ có nông nổi, thiên cận.

*Một hành động của nhà giáo phải là một hành động suy nghĩ chín chắn, đo lường hậu quả rõ ràng.*

Tóm lại, tác phong là hình thức biểu lộ bên ngoài của giáo chức mà học sinh và đồng bào theo dõi để đánh giá.

Nó thuộc phạm vi con người và xã hội, thực hiện không khó lắm.

## **II. LƯƠNG TÂM NGHỀ GIÁO**

« Nghề dạy học là nghề cao quý ». Nghề giáo là nghề trọng luân lý, đại diện cho luân lý, *nên sinh hoạt nghề nghiệp trong khu vực riêng biệt* khiến kẻ hành nghề có điều kiện để giữ gìn lương tâm nghề nghiệp và thi hành nghĩa vụ nghề nghiệp vẹn toàn. Và lại, nhà giáo đã hội đủ một số điều kiện khi tuyển lựa và đã phải trải qua thời gian đào tạo lương tâm được trau dồi bằng học vấn và tu dưỡng bằng đạo đức ; nhà giáo thấy rõ nghĩa vụ rõ ràng hơn ai hết. Các đức tính cần cho nhà giáo khi hành nghề là : đều đặn, cương nghị, tận tâm.

### **1) Đều đặn**

Đó là đức tính thường xuyên, không gián đoạn ; điều này liên hệ đến sự học của học sinh, vì « *cái học hôm nay là do cái học hôm qua và làm nền tảng cho cái học ngày mai* ». Nhà giáo có được đức tính này là do thói quen ; và khi thói quen này đã được thủ đắc, nhà giáo sẽ không thấy cần phải cố gắng khó nhọc gì cả.

#### **a) Trong lớp học :**

Chương trình và công việc phải làm khi giảng dạy giúp sự đều đặn ở nhà giáo. CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẬP của học sinh được phân phối đều trong năm và môn học cũng do thời khóa biểu ấn định giờ giấc. Và lại công việc phải làm

khi giảng dạy (trình tự các bài dạy) khiến giáo chức không thiên lệch, không thiếu sót.

Giáo chức cũng nên đều đặn khi kiểm soát học sinh (bài học, bài làm), trừng phạt học sinh, chẳng nên thái quá hay bất cập. Học sinh biết tính thầy mà cố gắng học tập đều đặn để đạt được kết quả tốt.

**b) Ở nhà :** việc chuẩn bị cho sự giảng dạy cũng cần đều đặn chu đáo. Nhà giáo phải tự đặt mình trong một chương trình là việc thường xuyên, như sưu tầm tài liệu, cải tiến lối giảng dạy, chuẩn bị học liệu, soạn bài, sửa bài... tất cả đều cần phải đều đặn. Nếu gặp phải một việc gì bất thường, nhà giáo cần phải cố gắng bù đắp. Được vậy, nhà giáo sẽ thúc đẩy học sinh chuyên cần, một đức tính để thành công.

## **2) Cương nghị**

Đó là đức tính của kẻ có ý chí mạnh mẽ, lời nói công việc đều chính đáng, quả quyết, ngay chính không sợ khó khăn, nhưng nếu gặp phải cảnh ngộ cũng nhẫn nại chịu đựng :

- Giáo chức lúc nào cũng hăng hái hoạt động chứ không nên yếu mềm, nhu nhược. Lời nói, trừng phạt của thầy trước sau như một. Thầy phải tỏ ra uy dũng trong lớp. Học sinh sẽ chú ý hiểu bài và tin lời thầy giảng dạy.

- Nhờ cương nghị nhà giáo sẽ không bị một ảnh hưởng nào chi phối, sẽ công bằng, sáng suốt mà phán đoán « chấm bài thưởng phạt ». Do vậy, nhà giáo tự chủ không sợ học sinh so bì vì thiên vị : học sinh vui vẻ tin tưởng học tập.

- Trong công việc hàng ngày, nhà giáo cần cương nghị, đặc biệt là trong thời kỳ các giá trị của xã hội bị thay đổi. Chính nhờ tánh cương nghị mà nhà giáo can đảm theo đuổi công việc hàng ngày và nghề nghiệp cho hết cuộc đời, và cũng chính nhờ tánh cương nghị mà nhà giáo vẫn can đảm nhẫn nại phục vụ, mặc dầu những gian truân bạc bẽo của cuộc đời.

Cương nghị giúp cho nhà giáo tránh khỏi sự chán nản, lười biếng.

### **3) Tận tâm**

Tận tâm với nghề nghiệp là để hết tâm trí vào công việc, không bị một ảnh hưởng nào chi phối nghĩa vụ nghề nghiệp.

- Nhà giáo tận tâm với việc giảng dạy là một nhà giáo có những đức tánh như chuyên cần, hoạt động, hăng say, không thiếu sót trong nhiệm vụ, lúc gặp khó khăn không sợ mệt nhọc hay thiệt thòi.

- Cố gắng trong nhiệm vụ đem lại nhiều an ủi (ích lợi tinh thần) ; nhà giáo sẽ vui với nghề và yêu nghề hơn, nhất là trong việc giảng dạy. Sau bao cố gắng trong năm, nhà giáo sẽ vui mừng biết bao khi thấy học sinh của mình đỗ đạt, công thành danh toại. Nhà giáo còn cảm thấy mình ở địa vị đào tạo ra các bậc hữu dụng cho xã hội và thấy rằng nghề mình cao quý nên họ luôn luôn tinh tiến trong nghề, và nghề giáo không phải là « BẠC NGHỀ ».

- Sự tận tâm và yêu nghề khiến nhà giáo *đi sâu vào nghề hơn*, nghiên cứu, áp dụng các phương pháp mới lạ, cải

tiến cách giảng dạy và sản xuất công trình SƯ PHẠM hữu ích.<sup>1</sup>

### **III. TINH THẦN LÀM VIỆC VÀ UY TÍN NHÀ GIÁO**

Trong các điều mà lương tâm đòi hỏi nơi giáo chức, *quan hệ nhất là sự tận tâm*. Với đức tính tận tâm nhà giáo sẽ có đủ cương nghị và đều đặn để rèn luyện học sinh có kết quả. Các đức tính trên phát xuất từ lương tâm nghề nghiệp, thúc đẩy và hướng dẫn công việc tạo thành « tinh thần làm việc ». Như vậy, sự làm việc có được các đức tính ấy là do lương tâm, nhưng trên thực tế ta khó phân biệt. Sự làm việc có thể là do các nguyên động lực giả tạo như danh và lợi, đó là tinh thần làm việc vì danh vì lợi. Danh và lợi có thể là phần thưởng chánh đáng, nhưng danh và lợi đặt trước lương tâm thì giá trị sự làm việc thật chẳng bao nhiêu. Nhà giáo có đủ các đức tính tận tâm, cương nghị, đều đặn, công thêm với các công trình nghiên cứu, việc giáo dục càng phát triển xây dựng tương lai.

Cũng vì vậy những đức tính đó cũng là *các yếu tố xây dựng uy tín cho nhà giáo*. Có thể là các yếu tố khác : kiến thức, kinh nghiệm, tuổi tác, danh tiếng, v.v... tạo nên uy tín. Kỳ thực đây chỉ là các điều kiện *cần* nhưng chưa *đủ* ; nhà giáo thi hành nghĩa vụ nghề mình trong tinh thần cương nghị, tận tâm thì sẽ được phụ huynh và học sinh tin cậy. Nhà giáo mới ra trường, đem lương tâm hướng dẫn hành nghề, tự nhiên uy tín sẽ đến, không cần thứ uy tín giả tạo, nhất là những mảnh lời quảng cáo, lâu dần có hại cho chính uy tín của mình.

# **CHƯƠNG NĂM : KIẾN THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHÀ GIÁO, VẤN ĐỀ BỒI BỔ VĂN HÓA VÀ TU SỬA NGHỀ NGHIỆP**

**VIỆC** đào tạo ở trường Sư phạm chỉ là *giai đoạn chuẩn bị* vào nghề. Nó cần được bồi bổ mãi mãi và định hướng vững chắc khi nhà giáo rời khỏi mái trường. Khi rời khỏi Trường Sư phạm rồi, nhà giáo cũng vẫn cần phải tiếp tục học và tu nghiệp. Do vậy tinh thần quan trọng nhất là tinh thần tháo vát giúp nhà giáo ứng phó trong bất kỳ trường hợp nào. Mục đích trường Sư phạm muốn đạt tới là tạo lấy *phản ứng suy ngẫm*.

Tóm lại, hai điều quan hệ cho nhà giáo là : Bồi bổ văn hóa và tu sửa nghề nghiệp.

## **I. BỒI BỔ VĂN HÓA**

### **1) Văn hóa và văn minh**

**a)** Văn hóa chú ý đến *tinh thần*. Văn minh chú trọng đến những thực hiện *vật chất*.

Một nước có thể không có văn minh nghĩa là không thực hiện được những *công trình vật chất* : « *Văn minh là toàn thể các đặc trưng chung của một xã hội* ».

Điều kiện để một nước có văn minh là Chữ viết, hệ thống chánh quyền tập trung, tổ chức sản xuất và tiếp tế thực phẩm, luân lý chánh thức, trung tâm thành thị...

**b)** Văn hóa theo Taylor : « Văn hóa là một toàn thể hết sức phức tạp gồm những điều hiểu biết, những nguồn tư tưởng, những gì liên quan đến nghệ thuật, luân lý, luật pháp, những tập quán, phong tục và tất cả những bẩm tính, những thói quen mà con người đã hấp thụ được với tư cách là một con người, phần tử của xã hội ».

Văn hóa là sản phẩm của dĩ vãng ; đó là kết quả của bao thế hệ góp nhặt, súc tích và truyền lại cho chúng ta. Văn hóa vượt lên trên mọi cá nhân, là một tài sản cộng đồng và không có tánh cách di truyền. Văn hóa thay đổi trong không gian và thời gian ; nó đặt giới hạn cho quyền tự do và trói buộc con người.

## **2) Hình thức tiếp xúc văn hóa**

Các nền văn hóa tiếp xúc nhau tạo thành *giao lưu văn hóa*.

**a)** *Tiếp xúc hòa bình* : Phải cần nhiều thời gian, nhưng khi đã thấm nhuần thì ảnh hưởng sâu xa và bền bỉ. Hình thức tiếp xúc hòa bình thường được thể hiện trong những trường hợp như sau :

- Du lịch : xuất cảnh văn hóa bản xứ, nhập cảnh văn hóa ngoại lai ; nhưng nếu chúng ta không khéo, chúng ta dễ bị văn hóa ngoại lai chi phối.

- Di cư : nhập cảnh nền văn hóa địa phương.

- Hai nền văn hóa tiếp xúc nhau, cần thay đổi để thích ứng (Việt Nam – Hoa Kỳ).

- Phát minh khoa học lan tràn cả thế giới (bản nhạc, môt...)

**b) *Tiếp xúc bắt buộc*** : Tiếp xúc bắt buộc thường là hậu quả của cuộc chiến tranh. Kẻ chiến bại nhục nhã chấp nhận : *ảnh hưởng mau chóng nhưng cũng gây nhiều oán thù.*

### **3) Đường lối bồi bổ văn hóa**

**a) *Tiến triển vật chất và tiến triển tinh thần*** : Các phát minh vật chất bao giờ cũng tiến trong lãnh vực tinh thần. Những phát minh khoa học bao giờ cũng xảy tới mau lẹ hơn những sự thay đổi trong nếp sống con người, để con người có thể chấp nhận kịp.

**b) *Cách thế bồi bổ văn hóa*** : Phải biết bồi bổ *chỗ* nào, *bằng gì* và *đi tới đâu*.

- Giai đoạn phân tích : bồi bổ *chỗ* nào. Phải *ngiên cứu* tường tận văn hóa cổ truyền phối kiểm cùng hiện tại tìm *ưu khuyết điểm*. Công việc này cần nhiều công phu nhưng sẽ xóa tan được mặc cảm tự ti. Như vậy, nhà giáo đã được định hướng và vững tin ở điều mình thi hành.

- Giai đoạn gạn lọc và bổ khuyết : bồi bổ *bằng gì*. Duy trì các tinh hoa và tăng cường bằng các yếu tố sống động mới mẻ. Thực hiện điều này nhà giáo cần sáng suốt phân biệt để cho phù hợp.

- Giai đoạn tổng hợp : để đi tới *đâu*. Biết phải bỏ cái gì, tăng cường bằng cái gì, nhà giáo cần phải tác tạo để đưa về



một cứu cánh. Điều cần thiết nhất là *ý chí xây dựng quốc gia*.

Có như vậy, dầu là kẻ xuất ngoại nghiên cứu cái sở trường xứ người hay dầu là kẻ trong xứ nghiên cứu văn hóa dân tộc để từ bỏ sở đoản, tất cả đều có định hướng vững chắc và tránh được hai thái độ nguy hiểm là vọng ngoại hoặc bài ngoại.

Vấn đề bồi bổ văn hóa dân tộc thật là cần thiết *cho một chánh sách cải tổ giáo dục*, thành phần của Quốc gia, điều mà nhà giáo không thể không chú ý tới được.

## **II. TU SỬA NGHỀ NGHIỆP**

Đây là công việc thường xuyên đến mãi đời. Và lại, công việc còn cần sự *tiếp trợ từ thế hệ khác* mới xây dựng một nền giáo dục hữu hiệu.

### **1) Lý do tu sửa**

- *Suy giảm ký ức* : Các vấn đề thuộc về ký ức sẽ mất dần theo một nhịp độ tăng gia, sáu tháng đầu quên 5% và sau 20 năm quên mất 80%. Sự học chỉ thực sự khi đi vào nội tâm với sự suy nghĩ và tổng quát hóa. Sự học chính là sự thay đổi về hành vi qua kinh nghiệm.

- *Kiến thức mênh mông* : Theo cùng nhịp tiến hóa của kỹ thuật và khoa học *phạm vi trí thức càng vô bờ bến*. Nhà giáo phải theo dõi các kiến thức này mới cập nhật hóa cùng thời đại. Nếu không biết thâm sâu nhà giáo cũng cần biết *đích xác* để đáp ứng cho các đòi hỏi của học sinh của mình.

- *Kinh nghiệm giảng dạy dễ lỗi thời* : Các kinh nghiệm do trường cống hiến chỉ hữu hiệu một thời gian hữu hạn ; sang một thời đại mới, cách thức phản ứng cũng mới, phương pháp giảng dạy cần thay đổi.

- *Trào lưu Sư phạm mới* : (Sư phạm vừa là một triết lý vừa là một khoa học, vừa là một kỹ thuật, vừa là một nghệ thuật). Thế hệ mới, quan niệm mới nên triết lý cũng thay đổi, giáo dục phải thích ứng. Và lại, khoa Sư phạm đặt trên nền tảng khoa học càng ngày càng phát triển. Kỹ thuật giảng dạy càng mới mẻ, phương tiện giảng dạy càng tiến bộ, do đó nhà giáo cần phải cải thiện nghệ thuật giảng dạy. Đây cũng là những lý do để có thể cho nhà giáo gây lấy uy tín tri thức của mình.

## **2) Cách thức tu sửa**

- *Xếp đặt kiến thức có hệ thống và suy tư nghề nghiệp*. Phần nhiều các điều giảng dạy mới đem áp dụng lần đầu chưa tiên đoán được mức độ hữu hiệu, cần phải thời gian chứng nghiệm và công phu bổ khuyết lỗi lầm. Các kiến thức phải xếp đặt thành hệ thống để dễ dàng giữ gìn. Kinh nghiệm là những khả năng thực dụng của nhà giáo sau những thành công và thất bại trong thời gian hành nghề.

- *Trau dồi kinh nghiệm với đồng nghiệp*. Đó là điều cần thiết để cải tiến việc dạy học. Trong nhà trường thường các giáo chức cùng một cấp lớp có một ban giáo khoa do một giáo chức kinh nghiệm làm Trưởng Ban giúp đỡ các đồng nghiệp khác trong việc giảng dạy. Giáo chức còn được tham dự các Hội thuyết giáo khoa do các giáo chức có kinh

nghiệm nhất trong trường chỉ dẫn. Ngoài ra, họ cũng được tham dự các khóa tu nghiệp tổ chức ở Tỉnh lỵ hay Thủ đô thường xuyên hay định kỳ. Thường ở các dịp này giáo chức học rất nhiều về các phương pháp mới lạ, cùng bồi bổ kiến thức, cải tiến lối giảng dạy của mình. Ta hãy thẳng thắn áp dụng đừng vì tự ái hay lười biếng mà không theo kịp với đà tiến của Sư phạm mới.

- *Học hỏi ở sách báo.* Nhà giáo thiếu sách chẳng khác gì một người thợ thiếu dụng cụ. Nhưng sách vở nhà giáo phải đổi mới luôn. Họ phải theo dõi các sách báo trong nước và ngoại quốc về giáo dục, cùng các loại bồi bổ kiến thức phổ thông. Kiến thức này còn có thể có được do công trình học hỏi ở một Đại Học. Điều này có thể đưa nhà giáo trên bước đường công danh sự nghiệp, một địa vị xứng đáng với công trình trau dồi lâu dài.

- *Tích cực góp phần vào kiến thức giáo dục.* Khi nhà giáo tiến sâu vào nghề, họ đều mong muốn sáng kiến của mình được san sẻ cho đồng nghiệp. Họ có thể góp mặt trên một số tờ báo giáo dục bằng các ý tưởng xây dựng, hoặc họ sáng tác các sách giáo khoa cho học sinh và giáo chức. Dầu là nghề nghiệp thăng trầm thế nào đi nữa, các công trình cùng tiếng nói của giáo chức luôn luôn được để ý và noi theo. Ấu đó cũng là ảnh hưởng tinh thần mà truyền thống luân lý cổ thời đã ăn sâu vào tâm khảm của mọi người.

### **III. KẾT-LUẬN**

Bồi bổ văn hóa và tu sửa nghề nghiệp giúp định hướng và trau dồi kiến thức nghề nghiệp, nhưng động lực chánh

yếu thúc đẩy vẫn là lương tâm của nhà giáo. Đó là sợi dây vô hình gắn liền với ý thức dân tộc. Công việc này diễn tiến qua nhiều hình thức tức là qua nhiều thế hệ, thế hệ này ngã thế hệ khác lên thay, cố gắng mãi để xây dựng và vĩnh-truyền nét tính dân tộc.

# CHƯƠNG SÁU : ĐỜI CÔNG, ĐỜI TƯ GIÁO CHỨC

## I. ĐỊNH NGHĨA

### 1) Đời công

**GỒM** toàn thể *động thái thuộc phạm vi nghề nghiệp* của cá nhân có ảnh hưởng đến Quốc gia xã hội. Đây là các sinh hoạt trong phạm vi nhiệm vụ ấn định.

Đối với giáo chức, đời sống thuộc khuôn khổ học đường, do đó mọi giao tiếp của giáo chức đều xảy ra giữa giáo chức với những kẻ trực tiếp liên hệ tới học đường (học sinh, phụ huynh, cấp chỉ huy giáo dục và các cấp hành chánh của nhà trường, v.v...)

### 2) Đời tư

Gồm toàn thể *động thái trực tiếp cá nhân ở ngoài sinh hoạt nghề nghiệp* (bản thân, gia đình, họ hàng thân thích...)

Đối với giáo chức, đời tư gồm các cử chỉ, tác phong khi rời khỏi mái trường.

## II. HAI QUAN NIỆM

### 1) Tây phương

Quan niệm đời sống con người chia làm hai phần biệt lập :

- Phần thuộc *nghề nghiệp*, liên quan tới xã hội.
- Phần thuộc bản thân, liên quan tới gia đình... thân thích bạn bè.

Với quan niệm cá nhân chủ nghĩa này, ngoài sinh hoạt ở trường, nhà giáo được tự do sống theo sở thích riêng tư. Sinh hoạt này không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt ở trường. Cho dù hai phần này tương phản nhau cũng không quan tâm.

Do vậy, thời Pháp thuộc, giáo chức có văn bằng đầy đủ, giảng dạy hiệu quả, ngoan ngoãn theo chánh trị cầm quyền là được. Tư cách nhà giáo có thiếu sót cũng không sao.

## **2) Đông phương**

Quan niệm « tu, tề, trị, bình » đặt căn bản trong việc tu thân (chính tâm, thành ý, cách vật, trí tri). Sự học của mọi người là cốt ở sự sửa mình, sửa mình xong mới mong gánh vác được các việc to lớn hơn ở gia đình hay kinh bang tế thế, bình trị thiên hạ. Vậy, theo Đông Phương, đời công và đời tư không tách rời ra được. Theo quan niệm Nho giáo, kẻ quan lại phải có tác phong cá nhân, gia đình (đời tư) thì mới xứng đáng vai trò « chấn dân » (đời công) được. Quan niệm này cũng bắt nguồn ở tinh thần giáo dục Nho giáo. Kẻ có học phải sửa mình, mà chính tâm là phần chủ yếu.

Cũng trong tinh thần này, nhà giáo là kẻ đảm nhận vai trò giáo dục, kẻ « nêu cao đạo lý thánh hiền », do đó đời tư phải là gương mẫu cho môn sinh của mình và tương quan mật thiết với đời công. Một nhà giáo không giữ được hiếu để với cha mẹ, không giữ được nghĩa vợ chồng, phạm « bất tín » với bạn bè thân thích, ham mê tứ đồ tường thì không thể nào đầy đủ nghĩa vụ giáo dục được. Giáo chức thiếu tác

phong sẽ mất uy tín với học sinh, phụ huynh cùng cấp chỉ huy giáo dục.

Tuy nhiên, gần đây quan niệm Tây phương đã mang lại sự phân biệt đời công và đời tư. Các giáo chức chịu ảnh hưởng của sự đào tạo Tây phương, do đó tác phong họ không mấy chững chạc. Nhưng trong dân gian do ảnh hưởng của nền luân lý cổ, nên dư luận không chấp nhận kẻ giáo dục con cái họ thiếu tác phong.

Cho nên, dưới mắt quốc dân, cuộc đời giáo chức là một toàn thể không phân tách. Đó chính là nhân cách SƯ PHẠM của nhà giáo.

### **III. ĐỜI SỐNG GIÁO CHỨC**

#### **1) Cơ cấu nhân cách**

Thompson đã định nghĩa : « *Dạy học là tìm hiểu và hướng dẫn từng cá nhân và từng tập thể trẻ em, là cung cấp những kinh nghiệm học hành để giúp học sinh tuân tự phát triển cho đến vai trò trưởng thành của chúng ở trong xã hội* ».

Như vậy, *nhân cách* của con người nhà giáo, các *duyên cơ* và các *lý tưởng* của mình đều liên hệ đến sự học hành của học sinh và liên hệ tới việc dạy học của thầy.

Về mặt *kỹ thuật Sư phạm* phương pháp giảng dạy của mỗi người mỗi khác tùy theo *cá tính* và tùy theo tình cảm mỗi lúc, đó chính là *nhân cách Sư Phạm*.

Về mặt *nội dung giáo dục*, dầu muốn dầu không ông thầy vẫn luôn luôn dạy *nhân cách* và *nhân sinh quan* của

mình do cách trình bày các môn học, do cách mình cư xử với học trò, do chính gương sống của mình. *Cá nhân nhà mô phạm chính là nền tảng của giáo dục.*

Một nhà sư phạm lớn có nói : « *Không có phương pháp giáo dục, chỉ có nhà giáo dục* ».

Đường Bưu có câu : « *Làm thầy là làm mô phạm vậy, lời nói hành vi, khi động khi tĩnh đều có thể thành khuôn phép cho người* ».

Do đó kẻ làm thầy phải bắt buộc có một nhân cách xuất chúng sao ?

Phụ huynh học sinh, quốc dân, xã hội không đòi hỏi nhà giáo sống như một nhà tu ; nhà giáo cũng là người tất phải có sinh hoạt như bao nhiêu người khác. Nhưng nhà giáo ngoài các sinh hoạt căn bản, tối thiểu (trung bình luân lý) còn cần phải tỏ ra *quân bình trưởng thành* trong nhân cách.

« *Cơ cấu nhân cách nhà giáo xác định tác phong và cách dạy học của nhà giáo hơn là do các bài họ đã học tập ở trường* ».

Tóm lại, không cần một nhân cách đặc biệt nào cho giáo dục, cần nhất là *thế quân bình* trong nhân cách.

« *Cần nhất là một thái độ lành mạnh về nghề dạy học để có đủ trưởng thành để tổng hợp mọi hứng thú mình vào trách nhiệm mình chọn để cho giáo nghiệp khỏi trở thành một kế hoạch tầm thường hoặc một kế sinh nhai tầm thường* ». (Mai Tâm)

## **2) Sinh hoạt nhà giáo**



Phân biệt đời công, đời tư là cách phân chia tạm thời, giả tạo. Nhà giáo quân bình trong nhân cách sẽ có đủ khả năng giữ gìn nghề mình không sợ các thử thách, cám dỗ từ bên ngoài (danh, lợi, trào lưu vật chất, tinh thần hay ảnh hưởng bất lợi).

Như vậy, các đức tính của *lương tâm nghề nghiệp* cũng là các đức tính của đời công nhà giáo, và các *đức tính cho tác phong* của nhà giáo cũng là các đức tính của đời tư nhà giáo.

Trong sinh hoạt bình thường của nhà giáo, ở gia đình phải hiếu với cha mẹ, đễ với anh em, tín nghĩa với bạn bè, thân thích... để duy trì lấy *uy tín luân lý*. Có thể nhà giáo nói luân lý với học sinh mà không ngượng, giao thiệp với phụ huynh, với đồng bào mà không sợ dư luận, đối với đồng nghiệp, với cấp chỉ huy giáo dục không hổ thẹn là kẻ dạy dỗ người khác. Như vậy, đời sống nhà giáo *bình đạm*, không cao kỳ, kiêu cách, không xa hoa vô ích, không tham vọng danh dự thiên cận.

Tham vọng, tự nó không có gì xấu cả, tham vọng là một sức mạnh, nhưng nó cần phải được hướng về những mục đích hướng thượng tốt đẹp. Tham vọng phải hướng về việc giáo dục một thế hệ tương lai góp phần cải tạo xã hội, tiến bộ xã hội... Như thế tham vọng phải được lý tưởng quốc gia xã hội hướng dẫn thì mới tránh được các xu hướng thấp hèn tác hại. Tóm lại, trong sinh hoạt nhà giáo, ngoài sinh hoạt bình thường của một nhân cách trưởng thành, các sinh hoạt còn được hướng về lý tưởng quốc gia. Muốn được vậy nhà giáo cần có *một sinh hoạt tập thể, một hội ái hữu, một tờ*

*báo giáo dục* một môi trường hun đúc tinh thần, một lý tưởng giáo dục truyền thống dân tộc, đồng thời với sự trao đổi kinh nghiệm thường xuyên trong giáo nghiệp. Nếu gặp phải khó khăn trong việc tập hợp, thì nhà giáo có thể sinh hoạt với các đồng nghiệp cùng trường để tương trợ nhau, để tạo lấy không khí, hầu giúp nhà giáo phát huy sinh hoạt mực thước của mình. *Mà phải hướng cả đời mình cho giáo nghiệp.*

# CHƯƠNG BẢY : BỒN PHẬN ĐỐI VỚI HỌC SINH – THƯƠNG YÊU, TÌM HIỂU, CÔNG BẰNG

**NHÀ** giáo có được uy tín đối với học sinh là nhờ có một số các khuynh hướng, thái độ hợp với chúng, và có các đức tính cần thiết cho địa vị ấy. <sup>2</sup>

Nhà giáo cần phải có hai khuynh hướng thương yêu – tìm hiểu và một đức tính : công bằng.

## I. THƯƠNG YÊU

Nguyên động lực để thành công trong giáo nghiệp là nhà giáo phải có khuynh hướng gây tình kết thân tốt đẹp với học sinh. Ở bậc Tiểu học khuynh hướng này càng quan trọng hơn vì đây là giai đoạn cấu tạo một nhân cách cho cả đời người.

Ta hãy nghe THÁI PHỈ : « *Phải yêu trẻ, phải có tín ngưỡng giáo dục, ấy là hai yếu tố cần thiết bậc nhất của nghề dạy trẻ, cái tài và cái học chỉ đứng vào bậc thứ nhì vì có tài, có học mà không có hai điều kiện ấy cũng là thừa. Nghề giáo dục là một cấm địa, ai xét mình không đủ hai điều kiện thiết yếu này thì chớ có bước vào. Miễn cưỡng bước vào để « làm hại con người ta » là tội nhân của tổ quốc vậy ».*

### 1) Cần thiết

Đã là nhà giáo ta phải tỏ ra gần gũi với học sinh của mình. Dầu là ở bậc học nào nhà giáo không thể thiếu khuynh hướng này được. Ta có chấp nhận chúng thì chúng mới đến với ta, và như vậy ta mới giáo học chúng được. Lối giáo dục ở bậc tiểu học là lối giáo dục bằng tình cảm.

**a) Trẻ cần tình thương :** Nhu cầu được yêu thương là nhu cầu chánh yếu. Theo các nghiên cứu của Aubry, Bowlby, Spitz thì tình thương là thứ sinh tố cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Trẻ rất khổ tâm khi phải rời cha mẹ mà đi vào ký túc xá thiếu hẳn tình thương. Ông thầy phải thay thế cha mẹ ban tình thương cho trẻ.

Rousseau nói : « Ông thầy phải tự mình làm bạn của trẻ em ».

Michelet quan niệm : « Giáo dục là một thứ tình bằng hữu ».

**b) Ta có thương yêu trẻ, ta mới để tâm tìm hiểu trẻ :** Sự yêu thương trẻ là chìa khóa mầu nhiệm đi vào tâm tình trẻ. Và khi đã tìm hiểu được trẻ ta mới có thể áp dụng được các phương cách giáo dục thích ứng.

**c) Tình thương trẻ cũng là yếu tố để tận tâm trong giáo nghiệp :** Khi yêu mến trẻ, ta mới không quản cực nhọc hy sinh cả một đời vì chúng. Do đó, việc ta để tâm nghiên cứu tìm tòi về Tâm lý Trẻ đưa ta tiến xa trong nghề nghiệp.

**d) Sự yêu thương trẻ khiến ta sẽ được trả lại bằng sự quý mến « thầy » của trẻ :** Trẻ dù ít dù nhiều cũng đồng hóa các đức tính của thầy. Thầy sẽ là « thần tượng » của

trẻ. Vì thế lời thầy khuyên răn, hành động thầy được trẻ noi theo.<sup>3</sup>

## **2) Giới hạn**

- Tình thương yêu học sinh cần nghiêm chỉnh không thiên lệch, tư kỷ. Khác hơn tình mẹ thương con, có nhiều tư kỷ, tình thầy thương trò phải tránh thiên vị để khỏi giảm uy tín của thầy.

- Khi thầy thiên lệch, học sinh không còn kính trọng mà ngược lại khinh thường ; do đó lời thầy sẽ không còn hiệu lực.

Như vậy, tình thương của thầy phải đặt đúng chỗ, không được biểu lộ một cách tầm thường.

## **II. TÌM HIỂU**

### **1) Tìm hiểu học sinh**

Giáo chức cần tìm hiểu học sinh để trợ giúp chúng một cách hữu hiệu trong việc học, giải quyết các vấn đề khó khăn do hoàn cảnh, hay là giúp chúng chọn nghề. Như vậy, giáo chức có thể điều khiển hành vi học sinh hay giải quyết vấn đề kỷ luật một cách dễ dàng và hữu hiệu hơn.

**a) Quan sát tâm lý :** Có thể bằng trắc nghiệm bằng câu hỏi, hay bằng cách theo dõi hành vi học sinh, giáo chức có được những tin tức về học sinh của mình. Nhà giáo sẽ chú ý đến vấn đề cá nhân khác biệt về mức độ thông minh, thái độ, khả năng. Nhờ vậy nhà giáo mới áp dụng được cách giảng dạy hữu hiệu. Giáo chức thường thắc mắc là làm sao sẵn sóc tới từng cá nhân học sinh mà không hại tới sự học

của cả lớp. Học sinh có thể khác biệt về thể chất, kinh nghiệm, nhu cầu, sở thích, thành tích, trình độ. Bất cứ khác biệt nào cũng ảnh hưởng tới *quan niệm chính mình* của học sinh.

Tìm hiểu học sinh, giáo chức chú ý đến *nhu cầu của thanh thiếu niên*. Giáo chức không thể làm ngơ trước tất cả những vấn đề học sinh mang tới trường, các vấn đề ấy rất ảnh hưởng tới sự học của học sinh. Khi đã biết nhu cầu của chúng, ta dễ dàng thấy các nguyên do của các khó khăn, như vậy sự giảng dạy mới hữu hiệu. Do đó, các triệu chứng : chậm chạp, vụng về, lười biếng, ngỗ nghịch, hỗn láo, các ăm ức... đều có nguyên do, và giáo chức phải có phương thức đối phó thì việc giảng dạy mới có kết quả. Giáo viên không nên quá nghiêm khắc, hoặc mĩa mai, trách mắng, sỉ nhục hay trừng phạt thái quá. Giáo viên cần tìm hiểu và làm nẩy nở nhân cách của Trẻ một cách đứng đắn lành mạnh. <sup>4</sup>

**b) Hoàn cảnh :** Các học sinh bị thiệt thòi về hoàn cảnh gia đình như : sự giáo dục gia đình (gia đình xáo trộn, cha mẹ đi làm bỏ con...), kinh tế gia đình (thiếu sót về sách vở, ăn uống không đầy đủ...), chịu ảnh hưởng của khu phố hay xóm làng... do các khiếm khuyết ấy nên giáo chức không thể áp dụng phương thức trung bình ; do các khác biệt ấy ta sẽ linh động áp dụng các phương thức thưởng phạt hay hướng dẫn. Sự thua kém về học lực, hành vi theo tiêu chuẩn khắt khe lại càng khiến trẻ bị khinh rẻ hay bị thiếu tình thương của bạn bè hay thầy học.

Các vấn đề nam nữ, tính dục, sinh lý, thường không được nhắc tới. Học đường coi đó là vấn đề thuộc gia đình ; sự thực gia đình không hề đề cập tới. Thực ra, thanh thiếu niên vẫn là những con người đang tăng trưởng, cần được hiểu biết về vấn đề nam nữ một cách đúng đắn. Vấn đề là trình độ hiểu biết phải tùy lứa tuổi.

## **2) Thái độ cần có**

Nhà giáo phải thân ái, sáng suốt. Ta có thân ái mới theo dõi hành vi kín đáo trong các trường hợp thuận tiện, học sinh mới bộc lộ mọi khó khăn. Ta tin rằng mọi *hành vi đều có nguyên do*, những nguyên do của hành vi thì đa diện và tương quan nhau. Các hoàn cảnh và các kinh nghiệm trong quá khứ ảnh hưởng đến hành vi. Ta phải sáng suốt nhận ra các nguyên do để điều khiển hành vi của học sinh, để giúp học sinh thay đổi nhận thức. Nhận thức quan trọng hơn hết là nhận thức chấp nhận chính mình.

Nhà giáo phải áp dụng một phương thức *khải đạo* thích hợp. Có thể ở một dịp thuận tiện nào đó (sân chơi, lớp học...) nhà giáo đưa các lời an ủi, thân mật và chỉ dẫn thích hợp. Nhà giáo có thể đáp ứng các khó khăn về học tập, chỉ dẫn về sở thích ; nhà giáo cũng có thể liên lạc với phụ huynh, gia đình để có cá tin tức chính xác hay hỗ trợ nhau trong việc tìm hiểu và điều khiển hành vi học sinh, như vậy có tìm hiểu học sinh, nhà giáo sẽ :

- Biết được trình độ lớp học (bằng trắc nghiệm) để giúp cho việc giảng dạy hữu hiệu.

- Biết được tâm lý học sinh để điều khiển hành vi các học sinh đặc biệt, áp dụng một phương thức khai đạo hữu hiệu.

### **III. CÔNG BẰNG**

Đây là đức tính cần thiết cho nghề giáo. Uy tín trí thức hay luân lý của nhà giáo có thể được là do đức tính này ; nhà giáo phải vô tư, công bằng trong sự san sẻ kiến thức cùng đối xử và thưởng phạt học sinh.

#### **1) Công bằng trong sự san sẻ kiến thức**

Nhà giáo nên công bằng ngay khi ban bố một đường lối giảng dạy. Lối giáo dục ngày nay là lối giáo dục nhứt tề ; các học sinh sẽ nhận sự giáo dục đồng đều của ông thầy. Nhà giáo không thể vì một nhóm học sinh giỏi mà bỏ cả đám đông còn lại. Như vậy, nhà giáo phải có cách để giáo dục các trẻ khác biệt với nhau vì trình độ.

Hơn nữa, nếu nhà giáo vì một tình riêng mà áp dụng một phương thức giáo dục riêng cho một học sinh nào hay cũng vì tình riêng mà cho điểm tốt cho một học sinh nào đó, sự ganh tỵ của các học sinh khác khiến uy tín nhà giáo sút mẻ.

#### **2) Công bằng trong các đối xử và thưởng phạt**

Đã là nhà giáo, ta phải biết *mọi hành vi học sinh đều có nguyên nhân*. Cho dù các nguyên do ấy có đa diện và tương quan nhau, ta cũng có thể tìm hiểu. Như vậy *không có học sinh nào là không thể giáo dục được*. Chỉ có nhà giáo không áp dụng phương pháp thích hợp để giáo dục khi chưa tìm



hiếu thấu đáo chúng. Do vậy ta đừng ưu đãi hay ghét bỏ một học sinh nào, hay ta cũng đừng có thành kiến đối với bất kỳ học sinh nào của chúng ta. Một học sinh bị cho là hư hỏng đến đâu, ta cũng tin tưởng là có thể sửa chữa được. Cũng vì vậy khi thưởng phạt ta cũng tìm về nguyên do để sự thưởng phạt được công minh và xứng đáng. Sự thưởng thường dựa trên *sự cố gắng nhiều hơn* là trên kết quả ; còn sự trừng phạt phải do nguyên nhân phạm lỗi.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Mọi hành vi học sinh đều do một nguyên nhân, giáo chức có thương yêu, gần gũi với học sinh thì mới có thể tìm hiểu thấu đáo và áp dụng một phương thức giáo dục thích nghi. Có thể trong giai đoạn mới bước vào nghề, nhà giáo sẽ chán nản và cho học sinh hư hỏng, ngỗ nghịch là bất trị. Nhưng không, nhà giáo có khuynh hướng nghề nghiệp chắc chắn, có thực tâm yêu trẻ thì nhà giáo sẽ thích thú trong khi tìm hiểu và thấy học sinh mình trở nên người bình thường sống thích hợp với xã hội.

# **CHƯƠNG TÁM : BỒN PHẬN ĐỐI VỚI CÁC NHÂN VIÊN HỌC CHÍNH, TY TRƯỞNG, THANH TRA, HIỆU TRƯỞNG ĐỒNG NGHIỆP VÀ NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG**

**ĐẾN** một địa phương, nhà giáo Tiểu học phải chịu sự điều động của hai cơ quan sử dụng : Ty Tiểu học và nhà trường. Giáo chức cần biết các nguyên tắc căn bản và ai là kẻ trực tiếp điều động mình cùng thái độ của mình đối với các kẻ ấy.

Ở Ty Tiểu Học có Ty Trưởng và Thanh Tra. Ở nhà trường có Hiệu Trưởng, các đồng nghiệp và các nhân viên nhà trường.

## **I. NGUYÊN TẮC CĂN BẢN**

Bất cứ một đơn vị giáo dục nào, dầu lớn như *Ty Tiểu Học* quản trị một tài sản to lớn và một số nhân viên đông đảo, dầu nhỏ như một *mái trường xã* từ một đến ba lớp hay hai ba chục lớp và một số giáo chức, tất cả đều phải duy trì sinh hoạt cần thiết. Vì vậy cần có các điều kiện sau đây :

- Phần việc cá nhân đã được hoạch định, nhiệm vụ mỗi người phải chu toàn.
- Công việc cá nhân tuy khác nhau, nhưng đều cần thiết, tất cả phải được phối hợp chặt chẽ để bổ túc nhau.
- Các cộng sự dù là giảng huấn hay hành chánh đều phải được hướng dẫn trong tinh thần xây dựng hợp tác sáng

suốt. Công việc phải do lương tâm soi sáng.

Giáo chức cần ý thức vai trò của mình trong tổ chức, vai trò của mỗi người trong phần vụ mà góp phần xã hội ; nếu mọi người đều không có ý hướng xây dựng chung thì tổ chức tự nhiên sẽ bị ngưng trệ, suy sụp.

Do đó, giáo chức sẽ thấy rõ nhiệm vụ mình cùng các cấp chỉ huy giáo dục trực tiếp hay gián tiếp.

## **II. BỐN PHẬN ĐỐI VỚI TY TRƯỞNG VÀ THANH TRA**

Hệ thống tổ chức giáo dục Việt Nam là hệ thống tổ chức Trung Ương tập quyền. Tại Tỉnh, Ty Tiểu học đại diện cho chánh quyền trung ương làm trung gian để điều hành các trường trong việc thi hành chánh sách giáo dục.

- *Ty Trưởng* điều động nhân viên về vật chất hành chánh, Sư phạm hay công việc *tổ chức và điều hành* học đường (còn gọi là *quản trị học đường*). Ty Trưởng thi hành đường lối chánh sách, chỉ thị do Trung ương đề ra. Nhiệm vụ của Ty Trưởng được thể hiện qua nhiệm vụ của *Hiệu Trưởng*.

- *Thanh Tra* hướng dẫn và kiểm soát việc thực hiện chương trình giáo dục ở học đường : huấn luyện và giúp đỡ Hiệu trưởng cùng giáo chức thi hành nhiệm vụ, cải tiến phương pháp Sư phạm và gia tăng kết quả của công cuộc giáo dục học sinh (còn gọi là *Thanh tra học đường*).

Như vậy, *Ty trưởng* có nhiệm vụ quản trị, tạo phương tiện cho việc giáo huấn ; *thanh tra* có nhiệm vụ theo dõi việc thi hành chánh sách, hướng dẫn việc giảng dạy và học tập, cả hai phải phối hợp mới hữu hiệu.

## **1) Ty trưởng**

### **a) Nhiệm vụ Ty Trưởng :**

- Điều hành *hành chánh tổng quát* các trường và nhân viên trong tỉnh tùy theo nhu cầu địa phương (quản trị vật chất và hành chánh, tài chánh và nhân viên...)

- *Thi hành đường lối, chánh sách giáo dục*

Ty Tiểu học có các phòng : thanh tra, hành chánh, học vụ và giáo dục cộng đồng.

Nhiệm vụ của Ty Trưởng giống như nhiệm vụ của Hiệu Trưởng nhưng rộng rãi hơn, và ảnh hưởng gián tiếp đến giáo chức, trong lúc Hiệu trưởng ảnh hưởng trực tiếp vì gần gũi.

### **b) Bốn phận giáo chức :**

Vai trò của Ty Trưởng được thể hiện qua trung gian của Hiệu trưởng. Trong công việc hàng ngày, giáo chức tiếp xúc với Hiệu Trưởng ; chỉ trong các dịp đặc biệt giáo chức mới đến Ty Trưởng. Ty Trưởng là một đồng nghiệp lớn tuổi, kinh nghiệm trong nghề. Quyền hạn của Ty Trưởng đã được qui định ; và đối với Ty Trưởng giáo chức phải kính trọng, hòa khí, tuân phục.

Hiệu trưởng, trong hệ thống hành chánh, là một thuộc viên của Ty Trưởng, làm trung gian thi hành đường lối, chỉ thị do trung ương đề ra. Do đó, đối với Ty Trưởng, hiệu trưởng cũng như giáo chức ngoài công việc do chức vụ quy định, phải xem Ty Trưởng như là bậc đàn anh trong nghề.

## **2) Thanh tra**

**a) *Nhiệm vụ thanh tra*** : Thanh tra có nhiệm vụ vừa chuyên môn vừa hành chánh, kiểm soát và hướng dẫn việc thi hành chương trình giáo dục, áp dụng phương pháp Sư Phạm, phối hợp những cố gắng và hoạt động của các trường.

- *Hướng dẫn giáo chức* :

Về chuyên môn, Thanh Tra hướng dẫn giáo chức theo phương pháp sư phạm và theo đường lối giáo dục quốc gia. Cho nên Thanh Tra phải theo dõi công việc giáo chức để sửa chữa lỗi lầm, để việc giảng dạy hữu hiệu hơn.

Về hành chánh, Thanh Tra có thể đề nghị thăng thưởng, khuyên răn, khuyến cáo hay cảnh cáo.

- *Thăm định kết quả chương trình giáo dục* :

Thanh tra ở địa vị trung gian giữa cấp chỉ huy giáo dục và nhà trường. Thanh tra theo dõi kết quả của kế hoạch đang thực hiện. Kế hoạch có thực hiện đúng mức chưa ? Và cần phải sửa chữa thế nào ? Quý vị Thanh tra cần có sáng kiến để giúp cho kế hoạch được thực hiện hoàn mỹ.

Muốn đạt được mục đích ấy, Thanh Tra thường thăm trường, viếng lớp và nhân đó nhận xét về ảnh hưởng học đường đối với đời sống địa phương, tổ chức các khóa tu nghiệp và hội thảo giáo chức.

**b) *Bổn phận của giáo chức*** :

- *Thành thật* : Không nên coi Thanh Tra như chỉ có nhiệm vụ tìm kiếm lỗi lầm để bắt bẻ làm mất mặt giáo chức trước mặt học sinh hay đồng nghiệp. Vì vậy giáo chức cũng

như Hiệu trưởng không cần phải dàn cảnh khi có Thanh tra đến viếng trường. Nếu học sinh thấy được cảnh giả dối này thì thật là tai hại.

- Phục thiện : Các lời khuyên răn, khuyến cáo của Thanh là những lời của bậc huynh trưởng. Thái độ họ là đến giúp phương tiện, ý kiến và kinh nghiệm cho giáo chức. Nếu có lỗi lầm thì nên nhận các lời khuyên sửa chữa để tiến bộ.

- Cởi mở : Hơn nữa, giáo chức nên tỏ ra thân thiện, và nêu lên các thắc mắc khó khăn để xin sự giúp đỡ của Thanh tra. Với chức vụ, Thanh tra sẽ giải quyết cho giáo chức. Nếu không, các khó khăn chánh đáng cũng sẽ được chuyển về trung ương giải quyết hay cải thiện.

Như vậy, đối với Thanh tra, chẳng những giáo chức nên tôn trọng để cầu học mà còn phải thành thật để cộng tác. Thiếu ý chí cộng tác thành thật, giáo dục không thể tiến, mà uy tín của nhà giáo cũng chẳng còn.

### **III. BỐN PHẬN ĐỐI VỚI HIỆU TRƯỞNG, ĐỒNG NGHIỆP VÀ NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG**

#### **1) Hiệu Trưởng**

##### **a) Nhiệm vụ Hiệu Trưởng :**

- *Quản trị học đường* : Công việc này được chia làm hai loại : vật chất hành chánh và chuyên môn (Sư phạm).

- Tổ chức, trông nom và bảo vệ trường ốc (phòng học vụ, sạch sẽ, công văn...)

- Quản trị nhân viên, kế toán, liên lạc với trung ương.

- *Trách nhiệm sinh hoạt chung* : Điều khiển và phối hợp các công tác của toàn thể nhân viên. Phân phối giáo chức, trông nom việc giảng dạy của họ.

**b) Hiệu trưởng đối với các giáo viên :**

- *Hướng dẫn* công việc giáo viên, phối hợp cố gắng của mọi giáo chức.

- *Giúp đỡ* các giáo chức mới vào nghề trưởng thành trong giáo nghiệp.

- *Điều hòa nhất trí* trong sinh hoạt toàn thể.

Hiệu trưởng xử sự với giáo chức theo đường lối dân chủ, bình đẳng, thân thiện, cởi mở, khéo léo, không chạm lòng tự ái, khuyên bảo nhỏ nhẹ với thiện chí xây dựng, nhưng cương quyết trừng phạt những kẻ ương ngạnh, vô kỷ luật, không cải hóa được.

**c) Bốn phận của giáo chức :**

- *Tinh thần kỷ luật* : Giáo chức là kẻ nắm kỷ luật lớp học, nên tinh thần này không thể thiếu trong sinh hoạt của toàn trường. Giáo chức đã thấu đáo nhiệm vụ mình thì kỷ luật không trở nên cần thiết nữa, như vậy khuyến cáo hay « nhả nhủ » chỉ là bất đắc dĩ mà thôi.

- *Ý chí hợp tác* : Giáo chức tận tâm sẽ phối hợp chặt chẽ thực hiện công việc cùng Hiệu Trưởng. Hiệu Trưởng khôn khéo muốn giáo chức cộng tác không bao giờ tự ý đơn phương quyết định mà phải đem ra thảo luận trong một kỳ hội họp để tất cả công nhận và thực hiện.

- *Nhiệt tâm xây dựng* : Giáo chức nêu các khuyết điểm để cùng nhau sửa đổi ; đối với Hiệu Trưởng, giáo chức nhiệt tâm hợp tác là rường cột của nhà trường.

- Tóm lại, giáo chức kính trọng, thành tâm hợp tác, vui vẻ nhận hành những chỉ thị và khuyến cáo.

## **2) Bốn phận đối với đồng nghiệp**

Phải có tình thân hữu, đoàn kết, phải biết giữ gìn lời nói, hành động hoặc thái độ có thể làm giảm uy tín, bảo vệ thanh danh chung.

- *Hòa khí* : Ngoài nghĩa vụ giáo dục cá nhân phải chu toàn, nhà giáo với nhau có những tương quan không tránh được : giao tế, quyền lợi, kinh nghiệm, hành chánh... Cho nên giáo chức với nhau không thể xích mích, va chạm được. Bầu không khí hòa thuận là yếu tố đầu tiên để sinh hoạt của trường tốt đẹp và công việc giáo dục học sinh khỏi thương tổn.

- *Hợp tác* : Ngoài sự hòa nhã, giáo chức còn cần phải có ý chí hợp tác. Nhà giáo sẽ phá hết mọi ngăn cách để thông cảm những hiểu lầm và thắc mắc, và cùng nhau hợp tác. Ở các buổi họp nhà giáo cần đi đến một đường lối chung và thành tâm thiện ý thấu lượng chớ không nên có thái độ bất tín, thiếu thành thật, cá nhân.

- *Thanh danh chung* : Phụ huynh và đồng bào sẽ nhìn sinh hoạt của nhà giáo và nhà trường mà đánh giá công việc giáo dục. Họ cũng nhìn học sinh ra đời, kết quả công trình nhà giáo và nhà trường. Đó cũng là thành quả của một chánh sách giáo dục hữu hiệu hay thất bại. Nhà giáo hãy



lấy đó mà giữ gìn thanh danh chung cho nhà trường và nhà giáo.

### **3) Bốn phận đối với nhân viên nhà trường**

Ngoài các *nhân viên giảng huấn*, nhà trường còn có các *nhân viên hành chánh* : Phụ tá hiệu trưởng, nhân viên văn phòng (kế toán, thư ký đánh máy...) tùy phái, lao công... Mỗi người có một nhiệm vụ do qui chế ấn định nên có địa vị trên dưới. Một nhà giáo hòa nhã, lịch thiệp không bao giờ làm mất lòng các người trong trường và nhất là không bao giờ phân chia thành « tôn ty », gây sự chia rẽ có hại cho sự hợp tác.

Cũng có trường hợp, có những giáo chức được đặc phái vào làm việc văn phòng, giáo chức đừng lăm lăm mà xảy ra chuyện đáng tiếc.

## **IV. KẾT LUẬN**

Sinh hoạt của một đơn vị giáo dục tốt đẹp là do tất cả cùng nhau hợp tác sáng suốt và xây dựng. Mỗi người có một địa vị và quyền hành, nhưng đừng quan trọng hóa quá mức. Sinh hoạt chúng bắt nguồn từ sự thông cảm sáng suốt và vững mạnh. Nhà giáo luôn luôn tâm niệm rằng cơ quan giáo dục là trung tâm xã hội và đào tạo ra các cá nhân góp phần thịnh vượng cho xã hội. Như vậy tác phong của các cấp chỉ huy giáo dục, nhà giáo và học sinh đào tạo sẽ nói lên cái thanh danh của giáo dục.

# **CHƯƠNG CHÍN : GIAO THIỆP VỚI CÁC NHÂN VIÊN HÀNH CHÁNH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TRƯỞNG, QUẬN TRƯỞNG, VIÊN CHỨC ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ**

**ĐỐI** với các cấp chánh quyền địa phương, giáo chức cần phải nhận định rõ nhiệm vụ của họ, thái độ của họ đối với giáo dục, nhờ đó giáo chức sẽ thấy rõ hơn thái độ của mình trong cách giao tế :

Các cấp hành chánh địa phương liên hệ với giáo chức là Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng và các viên chức Ủy Ban Hành Chánh xã.

## **I. TỈNH TRƯỞNG**

Đại diện cho chánh quyền trung ương tại địa phương để thi hành đường lối quốc gia. Pháp luật ấn định quyền hạn của Tỉnh Trưởng.

### **1) Nhiệm vụ Tỉnh Trưởng**

- *Hành chánh tổng quát* trong tỉnh : toàn thể công chức trong tỉnh đều đặt dưới quyền điều khiển của Tỉnh Trưởng. Tuy nhiên, các ty chuyên môn trực thuộc bộ sở quan ở Trung ương.

- *Giáo chức tại tỉnh thuộc tòa tỉnh trưởng* về hành chánh và thuộc Nha Tiểu học ở Trung Ương qua Ty Tiểu Học.

Ngày nay đa số Tỉnh Trưởng là quân nhân nhưng họ cũng quan tâm nhiều đến giáo dục. Những Ông Phó Tỉnh

Trưởng Hành Chánh là kẻ ảnh hưởng nhiều đến giáo dục.

## **2) Thái độ giáo chức**

Giáo chức tiếp xúc rất ít, có thể chỉ một lần với Tỉnh Trưởng hay phó Tỉnh Trưởng trong dịp đến nhiệm sở. Thường Ty Trưởng hay Hiệu Trưởng tiếp xúc với Tỉnh Trưởng nhiều hơn :

- *Sự tiếp xúc xảy ra thuận hòa*, công cuộc giáo dục sẽ hỗ trợ đắc lực cho hành chánh. Bởi lẽ giáo dục và hành chánh là hai khía cạnh của một vấn đề. Ta không thể quan niệm một nền hành chánh tốt đẹp mà không lo việc giáo dục cho dân. Vào những dịp Tỉnh Trưởng hay phó Tỉnh Trưởng đến viếng trường, Hiệu Trưởng và giáo chức có thể khéo léo bày tỏ các nguyện vọng. Với phương tiện sẵn có ở địa phương, hành chánh thân thiện có thể giúp đỡ hữu hiệu.

- *Nếu sự tiếp xúc không mấy tốt đẹp*, nhà giáo sẽ lâm vào tình trạng khó xử với hành chánh.

Tỉnh Trưởng kém sâu sắc, không đứng đắn, giáo chức không nên chống đối như là chống một kẻ thù, mà phải kiên nhẫn tìm cách bộc lộ các khó khăn với chánh quyền giáo dục trung ương.

## **II. QUẬN TRƯỞNG**

Nếu trường ở quận, Nhà giáo là công chức nên vẫn chịu sự điều động của Quận Trưởng.

### **1) Nhiệm vụ Quận trưởng**

- *Thay mặt Tỉnh Trưởng* để lo hành chánh và an ninh trong quận.

- *Liên lạc giữa dân và tỉnh* : Các mệnh lệnh của tỉnh phải qua quận và các nguyện vọng của dân cũng qua quận.

- Quận là chi nhánh của tỉnh, quyền hạn kém hơn, nhưng càng xa chánh quyền trung ương quyền hành chánh càng kém dân chủ.

## **2) Thái độ giáo chức**

- Là một công chức của quận, nhà giáo vừa bổ dụng về quận nên yết kiến quận trưởng hay Phó Quận Trưởng hành chánh. Nhà giáo nên giữ tư cách đứng đắn trong cử chỉ ngôn ngữ cùng lối phục sức, chớ nên sơ sót mà hậu quả không tốt sau này.

- Đặc biệt hơn, Hiệu Trưởng liên lạc với quận nhiều hơn nên thái độ phải khéo léo. Hiệu Trưởng nên tìm cách gây thiện cảm để công việc mình được dễ dàng sau này.

- Giáo chức và Hiệu Trưởng trong công việc chuyên môn tuy liên lạc qua Ty Tiểu Học, nhưng chớ có tự tiện không thông báo với Quận Trưởng mà nhờ sự trợ giúp.

Ta nên nhớ nhà trường lệ thuộc mật thiết với hành chánh quận, nên nhà trường không thể sinh hoạt bình thường được nếu quận không hỗ trợ mà còn nghịch chống nữa.

- Hơn nữa, giáo chức và Hiệu Trưởng cần giữ sự liên lạc tốt đẹp với các *chi chuyên môn* khác ở quận để nhờ sự trợ giúp phát triển nhà trường.

### **III. ỦY BAN HÀNH CHÍNH XÃ**

#### **1) Nhiệm vụ ủy ban hành chính xã**

Các viên chức hành chính xã do dân bầu lên trông coi việc hành chính và an ninh trong xã. Ngoài Ông Chủ Tịch Hội Đồng Xã còn có nhiều ủy viên (cảnh sát, tài chính, hộ tịch...)

Nếu phục vụ tại các trường ở xã, giáo viên tiếp xúc nhiều với các viên chức ấy :

- Ủy ban hành chính xã giữ gìn trật tự an ninh, duy trì các sinh hoạt và bảo vệ trường sở khỏi sự phá phách.
- Ủy ban hành chính xã tìm nơi trú ngụ cho giáo chức và đề phòng kẻ xâm phạm tài sản, bảo vệ uy tín nhà giáo.

#### **2) Thái độ giáo chức**

##### **a) Đối với Ủy Ban hành chính xã :**

Là những kẻ được dân chúng bầu lên, có uy tín lớn đối với dân chúng và lãnh đạo họ, các viên chức Ủy Ban Hành Chính Xã là những kẻ rất *hiếu khách*.

Các giáo chức về làng nếu tư cách đứng đắn biết phép giao tế sẽ được trọng nể, tiếp đãi nồng hậu. Ấy là *sự tôn trọng trí thức và đạo lý cổ truyền*.

Như vậy giáo chức ở địa phương, chu đáo nghĩa vụ và hợp tác chặt chẽ với các viên chức ủy viên hành chính xã, thì sự giao hảo tất tốt đẹp.

Nếu có sự mâu thuẫn nào thì đó có thể là do tính tự kiêu tự đại, vụng về trong cách xử thế của giáo chức. Nếu lỗi ở

hành chánh xã, Giáo chức cũng không nên phản đối mạnh bạo, mà phải tỏ rõ sự bình tĩnh, tìm cách cầu cứu cấp trên.

Do đó, giáo chức khi bổ dụng về địa phương nên gây tình thân thiện bằng cuộc viếng thăm xã giao để có liên lạc tốt đẹp với các viên chức ủy ban hành chánh xã, mong rằng hành vi ấy sẽ được dân chúng chấp nhận.

**b) Đối với dân chúng :**

Dưới mắt dân chúng, nhà giáo là kẻ học thức trội bật, mọi hành vi đều không thoát khỏi mắt họ. Do vậy mỗi liên quan vô hình giữa nhà trường và dân chúng địa phương thật mật thiết.

Nhờ vậy nhà giáo có thể mang sở trường của mình mà ảnh hưởng lại dân chúng :

- Có thể tại địa phương có *các hủ tục* đặc biệt ; nhà giáo chớ nên vội vã thẳng thắn phê bình mà phải thận trọng để tâm nghiên cứu lựa chọn ; Nhà giáo tránh cho dân chúng có cảm tưởng mình là kẻ thiếu căn bản đạo lý cổ truyền.

- Nhờ ảnh hưởng sẵn có, nhà giáo tham gia các sinh hoạt xã thôn (xã hội, vệ sinh, y tế, phát triển cộng đồng...), cùng với học sinh của mình ; thật không có dịp nào hơn để nhà giáo gây uy tín và giáo dục học sinh.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Ta quan niệm hành chánh và giáo dục có cùng một cứu cánh, nên cả hai phải hỗ trợ cho nhau.

Nhà trường sẽ được hành chánh bảo vệ hoàn thành sứ mạng.

Nhà trường ngày nay không còn giới hạn trong đám trẻ thơ mà còn lan rộng khắp dân chúng thôn quê do đó sẽ góp phần không nhỏ trong sinh hoạt địa phương.

Vậy không có lý do gì mà hành chánh và giáo dục chia cách ra được.

# CHƯƠNG MƯỜI : GIAO THIỆP VỚI PHỤ HUYNH HỌC SINH

**TỔ** chức học đường hiện tại chỉ giữ học sinh một buổi trong ngày, sáng, trưa hay chiều (tùy nơi, số giờ thay đổi từ hai đến bốn hoặc năm giờ), số giờ còn lại học sinh trở về gia đình hay lân la ở đầu đường, thôn xóm cùng bè bạn.

Như vậy ba tổ chức : *học đường, gia đình* và *xã hội* trực tiếp chi phối đứa trẻ.

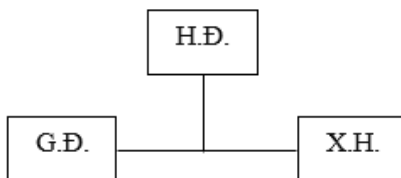
Dẫu sao học đường vẫn phải ở vào thế chủ động, nên gia đình và xã hội phải phụ trợ cho học đường. Tương quan gia đình học đường có tốt đẹp thì giáo dục ở học đường mới hoàn hảo được.

## I. TƯƠNG QUAN HỌC ĐƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

### 1) Thế quân bình

Học đường là cơ sở để truyền bá và duy trì luân lý dân tộc. Học đường còn giúp cho sự duy trì cơ cấu gia đình vững chắc và cung cấp cho xã hội những bậc hiền nhân hay lãnh đạo quốc gia dân tộc.

Học đường chính là « cái nôi » của văn hóa dân tộc. Nó đóng vai trò truyền tụng các giá trị truyền thống và duy trì dân tộc tính.

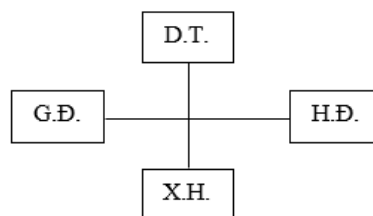




Như vậy  *tinh thần dân tộc*  sẽ hướng dẫn học đường và gia đình.

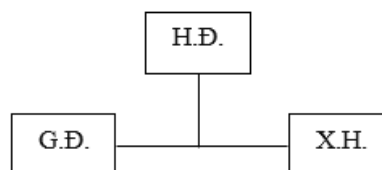
Thế quân bình sẽ giúp cho cá nhân sống thuận hòa và lành mạnh trong xã hội. Học đường cũng xã hội hóa cá nhân. Do đó học đường, gia đình cùng nhau nỗ lực đưa cá nhân vào xã hội, cải tạo xã hội.

## **GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG**



### **2) Tương quan đảo lộn**

Mất giá trị truyền thống, xã hội thay đổi và sự thay đổi này ảnh hưởng tới học đường và gia đình. Gia đình và xã hội sẽ buộc học đường phải thỏa mãn giá trị nhất thời do xã hội đề ra. Học đường  *bị tấn công hai mặt* . Tinh thần dân tộc suy giảm, đe dọa bị tiêu diệt.



## **II. HIỆN TRẠNG HỢP TÁC HỌC ĐƯỜNG GIA ĐÌNH**

### **1) Mâu thuẫn**

Cơ cấu xã hội Việt Nam ngày nay thay đổi (từ xã hội tĩnh sang xã hội động), các giá trị không còn đứng vững, cá nhân tự tạo cho mình giá trị mới, tạm thời ; gia đình cũng

thay đổi theo ước vọng nhất thời cá nhân và xã hội, chỉ còn lại *học đường là cố gắng duy trì các giá trị tinh thần truyền thống và nỗ lực tìm một giá trị cho xã hội.*

Học đường gặp khó khăn, chịu áp lực chẳng những từ phía xã hội mà còn từ phía gia đình. Giáo dục ở học đường mất cả đường hướng ; triết lý cũng đổi thay.

Học đường và gia đình theo đuổi hai giá trị khác nhau thay vì cùng nhìn về một hướng. Sự hợp tác thật lỏng lẻo và đầy mâu thuẫn.

## **2) Nguyên nhân**

### **a) Thiếu sót ở nhà giáo :**

- Nhà giáo, một công chức ; nhà trường, một công sở ; quan niệm này đã có ngay trong chính nhà giáo và chính trong phụ huynh.

- Nhà giáo có lương bổng, xa cách phụ huynh, khác hơn ông Đồ xưa cậy vào sự giúp đỡ của Phụ huynh, liên hệ với Phụ huynh chặt chẽ.

- Nhà giáo cho là ngoài công việc dạy học còn phải bận các công tác khác nên không đến với phụ huynh được. Nếu có vài giáo chức thiện chí đến với phụ huynh thì cũng bị hiểu lầm khiến họ chán nản.

### **b) Thiếu sót ở phụ huynh :**

- *Giao con đến trường* phụ huynh phó mặc chúng cho sự giáo dục của thầy. Họ cho như vậy là xong chuyện, rảnh nợ.

- Phụ huynh vì *sinh kế* hay vì *bận rộn* không theo dõi được sự học tập của con cái. Rất nhiều phụ huynh không

biết thầy của con mình là ai. Họ cũng *không biết đến giờ giấc học tập* của con cái và cũng vì họ *mất uy tín* với con cái nên chẳng dám rầy la.

- Phụ huynh vì nhút nhát hay vì sợ mất thì giờ giáo chức nên không dám tiếp xúc với giáo chức ; khung cảnh học đường là một công sở nhân viên kém lịch sự lễ độ, do đó họ cũng không nể lui tới nhà trường.

### **III. MỘT QUAN NIỆM ĐÚNG ĐẮN HỢP TÁC HỌC ĐƯỜNG GIA ĐÌNH**

#### **1) Sự cần thiết**

**a)** *Giáo chức năng gặp phụ huynh để được :*

- *Hợp nhất việc giáo dục*, điều giảng dạy ở nhà trường không mâu thuẫn với những điều dạy dỗ ở nhà.

- *Theo dõi, tìm hiểu* học sinh chính xác hơn, giáo dục sẽ hữu hiệu hơn. Chúng không dám dối trá ở trường, ở nhà. Trẻ có khả năng vật chất, tinh thần khác nhau, phương thức giáo dục cũng khác nhau do đó phụ huynh và giáo chức cần thông tin nhau thường xuyên (Trẻ yếu tim, bệnh thần kinh, trẻ bất thường...)

**b)** *Phụ huynh cũng năng đến trường để :*

- Biết được sinh hoạt của trường, *phá bỏ* thành kiến nhà trường quá cách biệt với phụ huynh, giáo chức làm việc như công chức...

- *Gây tình thân thiện giáo chức phụ huynh*. Phụ huynh biết được sự học tập của con em mình và hiểu được giảng dạy của thầy. Họ cũng hiển tin tức chính xác về con cái của

họ. Họ cũng sẽ được mời đảm nhận các chức vụ cố vấn cho các hoạt động nhà trường. Học sinh thấy cha mẹ, phụ huynh chú ý đến chúng, chúng cố gắng học tập.

## **2) Nguyên tắc**

Hai nguyên tắc chính là : hợp tác và hướng dẫn.

### **a) Hợp tác :**

Cả hai tổ chức cùng hợp lực để đào tạo mẫu người của xã hội. Đó cũng là mục đích của giáo dục là cho xã hội (do triết lý giáo dục nêu lên).

Cần ý thức trách nhiệm đôi bên để được tích cực hơn và tìm ra *các phương thức hữu hiệu*.

Phương thức hướng dẫn và khai đạo rất cần sự hợp tác này để hướng học và hướng nghiệp cho trẻ.

### **b) Hướng dẫn :**

Giáo chức ý thức *nghĩa vụ mình là hướng dẫn gia đình*.

Giáo chức *không để cho gia đình mua chuộc* theo đường lối danh và lợi thiển cận. Giáo chức cũng không mưu lấy danh và lợi trong sự hợp tác.

*Phổ biến mạnh mẽ đường lối giáo dục* trong tinh thần truyền thống, dân tộc. Phụ huynh cũng cần cảm thông được trách nhiệm này của học đường.

Các đồng nghiệp cùng nhau hoạt động giúp đỡ nhau, cùng giữ uy tín và thanh danh chung, tạo sự tin tưởng ở phụ huynh.

## **3) Các Phương thức**

**a) Hội phụ huynh học sinh :**

Học đường phải đứng ra lập một Hội phụ huynh Học sinh, một tổ chức giúp vào công cuộc giáo dục trẻ hữu hiệu. *Vì gia đình thiếu điều kiện tinh thần, vì học đường thiếu thì giờ nên phải có tổ chức này hầu gia đình hiểu thêm về bổn phận mình và nhờ đó ảnh hưởng học đường nối tiếp trong hoàn cảnh gia đình.*

Hội phụ huynh Học sinh cần dựa trên tinh thần sau :

- Giúp cha mẹ ý thức bổn phận mình. Mỗi kỳ họp nên vận động đông đảo người tham dự.
- Phụ huynh không nên chỉ trích vô cớ hay quá đáng học đường.
- Học đường cố gắng giúp đáp ứng các nguyện vọng chánh đáng của gia đình.
- Học đường nên gợi tinh thần liên đới và cộng tác.

Hội phụ huynh học sinh là nhịp cầu thông cảm giữa học đường và gia đình. Hội phụ huynh học sinh đôi khi còn ảnh hưởng đến đường lối giáo dục quốc gia (P.T.A. JAPAN).

**b) Ngày lễ, ngày hội, hay những buổi nói chuyện ở nhà trường vào các ngày lễ trọng :** Danh nhân, anh hùng lịch sử dân tộc hay địa phương hoặc vào các ngày hội ở trường như thể thao, văn nghệ, phát thưởng... nhà trường đặt các giấy mời tất cả các thân hào nhân sĩ hay tất cả các phụ huynh đến tham dự. Đây là dịp nhà trường cho phụ huynh cùng dân chúng biết vai trò giáo dục, sự sinh hoạt sự khó khăn cùng thiện chí của mình và tỏ tình thân thiện với họ.

**c) *Phiếu cá nhân*** (giữ tại trường) :

Lần đầu tiên đưa con đến xin học (lớp một) phụ huynh nên cho *nhà trường biết đầy đủ chi tiết cần thiết về đứa trẻ* (ngày sinh, nơi sinh, cha mẹ, địa chỉ, tánh tình, các khuynh hướng, sức khỏe do y sĩ ghi...)

Phiếu này theo đứa trẻ đến khi rời khỏi trường và phải được *bổ túc* hay *đổi mới* luôn luôn. Phiếu này tạo thành hồ sơ năng lực cá nhân ghi sự phát triển *tâm sinh lý của đứa trẻ*.

Quan trọng như vậy, cho nên nếu điều kiện cho phép ta có thể thực hiện một *phiếu cá nhân duy nhất suốt cả đời đi học*, phiếu này sẽ là tài liệu hữu hiệu giúp ta tìm hiểu học sinh dễ dàng (học tập, hướng dẫn, khai đạo, hướng nghiệp...)

**d) *Bảng câu hỏi*** (thay đổi hàng năm) :

Mỗi đầu niên học mới, nhà trường phát những mẫu bảng câu hỏi in sẵn cho học sinh mang về nhà để phụ huynh trả lời. Đây là bảng để bổ túc phiếu cá nhân, thêm những chi tiết để thích hợp với sự thay đổi của học sinh.

Cha mẹ sẽ được hỏi về : sức khỏe – trí tuệ – tánh nết – khuynh hướng – sở thích – tật xấu – các yêu cầu của phụ huynh.

Giáo chức có thể tùy theo kinh nghiệm riêng hay địa phương mà thêm bớt.

Phiếu cá nhân và bảng câu hỏi lập thành hồ sơ học sinh : đó là những điều mà nhà giáo muốn biết về học sinh

để giảng dạy. Nhà giáo cũng cần thông báo việc học tập của học sinh cho phụ huynh chúng.

**e) Học bạ và phiếu điểm :**

Học bạ cho gia đình biết các chi tiết của học sinh ở học đường. Một học bạ lý tưởng là gồm nhiều mục và phải được xếp đặt để cha mẹ có thể cho ý kiến, viết lời yêu cầu, ký tên và trả lại nhà trường.

Giáo chức có thể nhìn vào đó mà biết được việc giáo dục học sinh ở gia đình và học đường. Khuyết điểm của học bạ là chỉ ghi học lực hay một vài lời phê hạnh kiểm.

*Phiếu điểm* là bản sao của học bạ trong một tháng mà nhà trường cần gửi về cho gia đình.

**f)** Nhà trường cũng cần gửi về cho gia đình : các *bài làm* của học sinh, *thời khóa biểu* hay *bảng phân phối chương trình*.

**g) Nhà giáo viếng thăm phụ huynh :**

Đây là phương thức đòi hỏi thiện chí nhà giáo khi mà các phương thức trên đều vô hiệu.

Hơn nữa với phương thức cộng đồng, nhà giáo cần đóng vai trò tích cực đích thân gặp gỡ phụ huynh. Có thể trong các hoàn cảnh khác nhau tại trường học, tại nhà học sinh, tại nơi làm việc, trên đường đi...

Nhà giáo cần cho tất cả học sinh biết mình vẫn thường gặp gỡ phụ huynh hay có dịp đến thăm từng nhà. Nếu gặp điều bất thường liên quan đến học lực hay hạnh kiểm học sinh, nhà giáo nên gấp rút đến nhà học sinh.

Đến với phụ huynh, nhà giáo cần khéo léo trong cách giao tế để khỏi hiểu lầm (đứng đắn, nữ giáo chức cần đi với bạn, tế nhị khi thông báo các lỗi lầm của học sinh, ta cũng không nên năng lui tới một học sinh nào...)

Giáo chức cũng cần liên lạc với phụ huynh khi học sinh đã rời khỏi nhà trường (nhất là học sinh tiểu học).

#### **IV. KẾT LUẬN**

Hợp tác học đường gia đình là để duy trì sự giáo dục ở hai tổ chức này và góp phần cho một tổ chức to lớn hơn là xã hội, cho nên phương thức chánh là lấy tinh thần quốc gia dân tộc làm cứu cánh. Đối với giáo chức, sự hợp tác được coi là một bổn phận. Nó có thể vất vả, khó khăn, nhưng với lương tâm cùng học vấn, thiện chí, tế nhị nhà giáo có thể thành công.



# CHƯƠNG MƯỜI MỘT : GIÁO CHỨC VỚI CÁC CÔNG VIỆC BỔ TÚC GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

## I. Ý NIỆM ĐẠI CƯƠNG

**Ở** Trường Trung học hay Tiểu học, ngoài các công việc chánh thức ấn định trong việc học tập của học sinh và sự giảng dạy của giáo chức, Giáo chức còn phải tham gia các công tác lợi ích cho học sinh hay cộng đồng địa phương.

*« Công việc bổ túc giáo dục nhà trường là những công cuộc kiện toàn ảnh hưởng tốt đẹp của giáo dục. Đó là các công cuộc tương quan học trình và sau học trình ».*

Với khả năng và thiện chí, giáo chức cần phải chăm lo đến các công cuộc giáo dục hay xã hội để giúp đỡ học sinh. Nó ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến học sinh và được chia làm ba loại :

- Loại bảo trợ học sinh : quán ăn học sinh, tủ thuốc, trại hè.
- Loại rèn luyện *tinh thần* và *đức tính* : tổ chức sinh hoạt học đường (hiệu đoàn), hợp tác xã học sinh, học đường viên, chăn nuôi, ngày hội học sinh, triển lãm...
- Loại *bổ khuyết sự học hỏi* học sinh : thư viện, lớp tối, hội bảo trợ, hội cựu học sinh, hội thể thao hướng đạo...

## II. SINH HOẠT HỌC SINH (HIỆU ĐOÀN)

Từ các phương thức giáo dục giáo chức áp dụng trong một lớp học như hàng đội tự trị cho đến các phương thức sinh hoạt học sinh của toàn trường, đều được coi là một phương thức của giáo dục mới.

## **1) Mục đích**

**a)** *Hàng đội tự trị* giao cho học sinh tự tổ chức kỷ luật học đường hay cho chúng tham gia vào sự quyết định trong lớp. Đó chính là học sinh tự trị (Jean Piaget). Được như vậy, học sinh sẽ ý thức hơn, do đó sự học sẽ hữu hiệu hơn vì vậy hàng đội tự trị là một phương thức giáo dục thành công trong một môn học, nhất là sự học tập từng đội.

**b)** *Sinh hoạt học sinh trong trường* (Hiệu Đoàn) được tổ chức do một Nghị Định, có mục đích :

- Gây cho học sinh một *lý tưởng quốc gia* vững chắc, phát huy tinh thần tự do dân chủ.

- Rèn luyện tinh thần *phụng sự tổ quốc* và hy sinh cho dân tộc.

- Tạo cơ hội cho học sinh *tập tổ chức* và *điều khiển* để chuẩn bị đảm nhiệm trọng trách xã hội trong tương lai.

Như vậy sinh hoạt học sinh cho học sinh *sống trong đoàn thể* để quen với đời sống xã hội, tập học sinh sống trong *kỷ luật nhỏ nhất để tiến tới thứ kỷ luật cao cả* (tinh thần dân tộc).

## **2) Tổ chức**

**a)** *Toán* : Từ 10 đến 12 học sinh trong một lớp hợp thành một toán điều khiển bởi một toán trưởng chỉ định

luân phiên hàng tuần hay hàng tháng.

**b) Liên toán :** Mỗi lớp là một liên toán, liên toán trưởng và liên toán phó do học sinh toàn lớp bầu công khai. Mỗi liên toán do một giáo chức hướng dẫn.

**c) Ban chuyên môn :** Mỗi lớp tùy theo khả năng của học sinh, giáo chức chia học sinh thành các ban chuyên môn. Mỗi ban do một trưởng ban chịu trách nhiệm.

**d) Ban chấp hành học sinh :** Các liên toán trưởng và phó bầu ban chấp hành học sinh. Ban chấp hành này gồm một Tổng Thư Ký và *các trưởng ban chuyên môn của ban chấp hành* (học tập, văn nghệ, trật tự, xã hội, tài chánh, thanh niên, thể thao).

**e) Hội đồng hướng dẫn :** Hội đồng hướng dẫn gồm những thành phần :

- 1 chủ tịch (Hiệu Trưởng).
- 2 phó chủ tịch (một giáo chức, một phụ huynh).
- 1 tổng thư ký (giáo chức) và các ủy viên cố vấn (giáo chức).

### **3) Sinh hoạt**

Sinh hoạt học sinh sẽ trợ lực hữu hiệu cho phương thức cộng đồng ngày nay :

- *Trong lớp :* Giữ gìn trật tự, vệ sinh lớp học ; học sinh được tổ chức học các môn học theo phương pháp linh hoạt ; học sinh tập quen với sinh hoạt dân chủ trong lớp học.

- *Trong trường :* Học sinh không còn khép kín trong một lớp mà còn sinh hoạt cho toàn trường, hoạt động với các

ban lớn hơn hay nhỏ hơn.

- *Ngoài trường* : Có thể hoạt động liên trường và các sinh hoạt trong dân chúng (như phương thức cộng đồng).

Giáo chức thấm nhuần tinh thần cộng đồng thì sinh hoạt học sinh là một môi trường tốt cho mình vậy.

#### **4) Ích lợi**

Sinh hoạt học đường tổ chức cẩn thận và tích cực sẽ thu được nhiều ích lợi.

**a) Ích lợi thực tế** : Lớp học trật tự, sạch sẽ, kỷ luật tự giác, học sinh thu thập tài liệu đầy đủ, học tập hữu hiệu.

**b) Ích lợi giáo dục** : Đó là một tinh thần học tập mới, một phương thức giáo dục :

- *Tinh thần đoàn kết* : Học sinh ý thức cá nhân quá mạnh mẽ không thể làm được trò trống gì. Hơn thế cá nhân cần phải hợp nhau lại mới có thể tranh đua giữa các đội.

- *Tinh thần đồng đội* : Đã gần gũi nhau học sinh cần tương trợ giúp đỡ nhau, các em giỏi dìu dắt các em kém.

- *Tinh thần trách nhiệm* : Khi đã được giao phó công việc, các em tự phân chia với nhau và mỗi em đều cố gắng hoàn thành trách nhiệm.

- *Sự thành công và quan niệm tốt về chính mình* : khi hoàn thành trách nhiệm, các em vui mừng, hãnh diện tự thấy mình góp phần trong công việc. Các em hăng say thi đua với nhau.

- *Tinh thần danh dự* : Các em cố gắng giữ mình để khỏi mang tiếng cho toán của mình.

### **III. HỌC CỤ KHỐ, HỌC ĐƯỜNG VIÊN, CHUỒNG CHĂN NUÔI**

#### **1) Học cụ khố**

##### **a) Mục đích :**

- Giúp cho sự giảng dạy hữu hiệu.
- Học sinh vui thích được tham gia vào tài sản chung.
- Học sinh học tập hữu hiệu.

##### **b) Tổ chức :**

- Giáo chức sưu tập hay sáng tác tranh ảnh học liệu, các mẫu vật... về tất cả các môn học.

- Học sinh cũng tham gia bồi bổ học cụ khố. Lâu dần các thế hệ học sinh nối tiếp nhau sẽ thích thú với công việc này.

- Giúp học sinh ý thức tự mình sưu tập hay sáng tác, một công trình do chúng làm ra chứ không phải tiêu phí tiền.

- Dầu là học cụ rẻ tiền, không đẹp, nhưng chúng hãnh diện.

#### **2) Học đường viên, chuồng chăn nuôi**

##### **a) Mục đích :**

- Học sinh thực hành các điều học tập trong các bài khoa học thường thức.

- Làm quen với đời sống thiên nhiên, quý trọng nông nghiệp, chăn nuôi.

- Áp dụng các kiến thức về canh nông, chăn nuôi : đó là những thí điểm cho cộng đồng địa phương.

- Gây quỹ học đường.

**b) Tổ chức :**

- Nông cụ : Xẻng, cuốc, dao, kéo.

- Chuồng gia súc : Các con giống, heo, gà nhờ các ty, chi Canh Nông Mục Súc trợ giúp.

- Các giáo chức hay các cán bộ Nông Vụ giúp đỡ tổ chức điều hành kỹ thuật.

- Giáo chức chia mỗi lớp một khu vực để chúng ganh đua.

- Các khán thủ, hay thuê một người để thường trực trông nom gia súc, đề phòng trộm cắp.

Tuy nhiên muốn được như vậy nhà trường cần phải có đất rộng. Các trường ở thành phố khó thực hiện được việc này. Và lại giáo chức thiếu kinh nghiệm tổ chức, thành ra học đường viên, chuồng chăn nuôi không thể là thí điểm cho địa phương được. Dân chúng không hưởng ứng và có thể có vài kẻ phá phách nữa.

## **IV. HỢP TÁC XÃ HỌC SINH**

### **1) Mục đích**

- Bán rẻ các dụng cụ văn phòng, các vật phẩm thiết dụng như : giày dép học sinh, bàn chải, kem đánh răng...

- Tập học sinh ý niệm mua bán, sử dụng khả năng tổ chức kế toán, sổ sách... ý niệm về tiền bạc.

## **2) Tổ chức**

- Gây vốn : Do cổ phần giáo chức và học sinh hay hội Phụ huynh học sinh. Hiệu Trưởng có thể tổ chức các buổi văn nghệ, hội chợ bán vật dụng do học sinh làm ra.

- Ban Quản Trị : Do giáo viên và học sinh lớn có khả năng thiện chí điều hành. Hiệu Trưởng hay đại diện Hội Phụ huynh học sinh kiểm soát.

- Hàng hóa thực phẩm : Cung cấp do các nơi sản xuất để được lời và phải được luân chuyển cung cầu sát nhau, tránh ứ đọng, hư hao.

Tuy nhiên nhà trường thiếu vốn, thiếu kho, tủ chứa hàng. Và lại giáo chức bận giảng dạy nên hoạt động Hợp Tác Xã là hoạt động thiện chí, ít hữu hiệu. Phụ huynh cũng thờ ơ không mấy sốt sắng.

## **V. BỒN PHẬN CỦA GIÁO CHỨC VỚI CÔNG VIỆC BỔ TÚC GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

Tuy không qui định, nhưng giáo chức muốn cho công việc giáo dục nhà trường hữu hiệu, thì đối với các công việc bổ túc giáo dục giáo chức làm sao xao lãng được.

Do đó giáo chức nên ý thức rằng đây là công việc ích lợi chung cho học sinh và nhà trường ; lương tâm nhà giáo cũng sẽ thể hiện trong tinh thần làm việc.

Như vậy bên cạnh các đức tính của lương tâm chức nghiệp (đều đặn, cương nghị, tận tâm), nhà giáo cần có các đức tính bổ túc :

### **1) Óc tổ chức, tài tháo vát**

- Các công việc bổ túc đòi hỏi nhà giáo phải quen với công việc để theo đuổi đến khi kết quả. Do đó ngoài đức tính tận tâm, nhà giáo còn cần phải có óc tổ chức, hoạch định, phối hợp, điều hành.

- Nhà giáo cũng phải tỏ ra hăng hái hoạt động trong những hoàn cảnh khác nhau.

## **2) Trí sáng kiến, tài hướng dẫn**

- Nhà giáo tận tâm sẽ dùng mọi sáng kiến để hướng dẫn. Giáo chức phải biết khai thác các ưu điểm và sửa đổi các khuyết điểm, phát huy tiềm lực đoàn thể.

Nếu thiếu sáng kiến thì sự hướng dẫn cũng khó đạt được kết quả.

Sự hướng dẫn giúp nhà giáo theo dõi và kiểm soát hành vi của học sinh. Điều này thật cần thiết cho một tổ chức.

Ngày nay *quan niệm hướng dẫn được xem là một quan niệm giáo dục hữu hiệu*. Do đó, nhà giáo sẽ sáng suốt phân biệt và điều khiển. Tin tưởng vào tinh thần « hàng đội tự trị », nếu giáo chức không theo dõi, kiểm soát thật là nguy hại : Đứa lớn ức hiếp đứa nhỏ rồi kiêu căng, uất ức căm thù...

## **VI. KẾT LUẬN**

Muốn cho các công việc bổ túc giáo dục hữu hiệu, các nhà giáo cùng trường cần phải tận tâm hợp lực, đem óc tổ chức, tài tháo vát, trí sáng kiến, tài hướng dẫn phục vụ Giáo dục, học sinh, không chỉ ở phạm vi môn học mà thôi mà còn là giáo dục toàn diện. Đối với bậc tiểu học, giáo dục chính là



tạo một nhân cách ; ở bậc trung học giáo dục là hướng dẫn lên bậc học cao hơn. Như vậy tinh thần giáo dục cộng đồng và giáo dục tổng hợp ngày nay là tạo ra những cá nhân sống với đời, không còn bỡ ngỡ nữa với cuộc sống bên ngoài học đường.

# CHƯƠNG MƯỜI HAI : SÁCH VÀ TỬ SÁCH CHO HỌC SINH

## I. SỰ CẦN THIẾT

**SÁCH** không thể thay thế ông thầy, nhưng bổ túc cho công việc ông thầy rất nhiều :

- Sách đáp ứng nhu cầu học tập cùng nhu cầu đọc sách của học sinh, trẻ vừa mới biết viết và biết đọc, đã say mê để cả tâm trí vào cốt truyện trong sách.

- Sách mở mang kiến thức và giải thích ; sách bổ túc cho các bài học trong trường và giúp cho học sinh tự học ; cần chọn lựa sách để cho học sinh đào tạo đức tính cao cả, tinh thần dân tộc, sự liêm khiết, nếp sống hợp đoàn thích hợp và nảy nở tuổi thanh thiếu niên.

- Sách giúp học sinh giải trí bằng những tư tưởng lành mạnh tránh ủy mị, lãng mạn, nhu nhược, tạo sự mạo hiểm, chí phấn đấu, sùng thượng các đức cao cả, những gương anh hùng liệt nữ.

- Cống hiến sách bổ ích cho học sinh là đáp ứng một nhu cầu để chúng tiêu dùng năng lực. Nếu không, năng lực này sẽ được dùng trong các việc khác không mấy lành mạnh, và nếu để chúng tự do chọn sách nhằm thì lại càng tai hại.

- Sự chọn sách đòi hỏi giáo chức phải sáng suốt, phân biệt, và khả năng lựa chọn cho hợp với lứa tuổi và tinh thần giáo dục. Muốn được vậy giáo chức phải thành lập một thư

viện cho trường (hay cho riêng lớp của mình) và với những kinh nghiệm cùng suy tư trong nghề, giáo chức cũng có thể sáng tác những sách giáo khoa và những sách đọc giúp đào tạo tư tưởng tuổi trẻ.

## **II. SÁCH GIÁO KHOA VÀ SÁCH ĐỌC CÓ TÁNH CÁCH GIÁO DỤC**

- Về số lượng, với kỹ thuật in hiện tại sách trên thế giới không kể xiết. Trong phạm vi quốc gia số lượng sách cũng thật là dồi dào, như thư viện Library of Congress (Hoa Kỳ) có tới 12 triệu cuốn sách hay thư viện British Museum (Anh) có tới 6 triệu cuốn sách.

- Về phẩm chất, sách có giá trị không phải hiếm, nhưng sách không bổ ích hay tác hại cũng tràn ngập. Hơn nữa giá trị sách tùy theo người chọn sách và thẩm định (tương đối theo từng phạm vi : Quốc gia, ý thức hệ, giai tầng, lứa tuổi...)

Việc xếp loại sách với một số lượng sách to lớn hay một phẩm chất khác biệt để cống hiến mau lẹ và tốt đẹp cho người đọc ngày nay là đối tượng của ngành thư viện học. Có thể một nhóm cần một loại nào nhiều nhất, nhưng tánh cách đa tạp về môn loại cũng cần thiết. Giáo chức Đại học cần sách tham khảo là chánh yếu, nhưng không phải là không cần sách giáo khoa, các tạp chí, các sách đọc giải trí.

Học sinh ở các lớp khai tâm cần các loại sách đọc có chữ in rõ ràng, dễ đọc, đúng phương pháp quan trọng của ngành thư viện học. Trong phạm vi giáo dục, những loại sách có ích và cần thiết cũng nhiều và tùy theo đối tượng để

chúng phát triển khả năng đọc thông hoạt. Lớn hơn một chút chúng cần các sách giáo khoa bổ túc học tập và các loại sách đọc để giải trí, để đào tạo tâm hồn.

Như vậy học sinh các lớp cấp I phổ thông và 4 lớp đầu cấp 2 cần hai loại sách chánh là :

- Sách giáo khoa
- Sách đọc có tánh cách giáo dục (trí và đức dục).

### **1) Sách giáo khoa**

- *Định nghĩa* : Sách giáo khoa là một phương tiện để học tập, được soạn theo chương trình học khóa. Sách giáo khoa đôi khi cũng được coi như một nội dung kiến thức cần nhồi nhét vô đầu óc trẻ em.

- *Công dụng* : Sách giáo khoa cần cho giáo chức để soạn bài hay cho học sinh để học bài cùng bồi bổ kiến thức. Hiện nay sách giáo Tiểu học của Bộ Giáo Dục xuất bản nhằm thống nhất lối giảng dạy của giáo chức và trình độ cùng cách học tập của học sinh.

*Đối với học sinh* :

- Sách giáo khoa là tài liệu căn bản của thầy : « ông thầy có sách, đào ngạch có dao ».

- Giáo chức là người học lực cao vẫn phải khảo cứu nhiều sách mới, có tài liệu để dạy học cho đỡ khuyết điểm, vì khi viết sách giáo khoa các tác giả cũng đã nghiên cứu đầy đủ chi tiết.

- Trong khi sử dụng sách giáo khoa giáo chức cũng có lối giảng dạy riêng (vẫn phải soạn thêm vài phần của bài dạy

và chuẩn bị học liệu cùng chuẩn bị ý tưởng cho bài dạy). Tuy nhiên sách giáo khoa giúp cho giáo chức nhiều khi phải dạy nhiều môn và nhiều giờ. Nó cũng giúp cho giáo chức không có đặc tài trong nghề dạy học (nói năng kém lưu loát, kém hùng hồn và khả năng trình bày kém rõ ràng...)

*Đối với học sinh :*

- Trí não học sinh còn non nớt, chỉ nghe giảng nghĩa không dần có giảng nghĩa kỹ lưỡng cũng vẫn còn chưa hiểu rõ lắm. Và lại lời thầy giảng đôi khi vẫn còn thiếu sót. Về nhà, có sách trước mặt, trẻ nghiền ngẫm hiểu rõ ràng hơn.

- Sách còn giúp hữu hiệu hóa lời thầy giảng ; dần có ghi chép lời thầy giảng hay ghi chép toát yếu cũng vẫn còn thiếu sót. Lời thầy giảng chỉ gồm những điểm chính hay chưa thứ tự lắm, trẻ sẽ tìm thấy các chi tiết và thứ tự trong sách.

- Học sinh quen dùng sách giáo khoa thì có thể tự học dễ dàng khỏi cần người hướng dẫn. Học sinh có thể tiến xa hơn trong sự học vấn.

- Và lại kiến thức học sinh thu nhận cũng dễ lỗi thời. Học sinh cũng cần nhiều loại sách giáo khoa khác nhau cùng những tài liệu bổ túc kiến thức.

- Dùng sách giáo khoa đỡ mất thì giờ, tiết kiệm sức khỏe (một bài đọc thêm, một bài dẫn...) và giúp cho học sinh học ôn các điều học tập dễ dàng về sau. Nó thay thế ông thầy trong những khi xa mái trường.

**a) Giá trị sách giáo khoa :** Thường sách giáo khoa có giá trị về tâm lý sách thích hợp với trình độ hiểu biết và tình cảm của học sinh. Ta có thể dùng năm tiêu chuẩn sau đây để thẩm định sách giáo khoa :

- *Tính chất cập nhật hóa của sách :* « Thời nào sách ấy ». Sách giáo khoa dễ lỗi thời vì phạm vi kiến thức ngày nay càng ngày càng mở rộng. Giáo chức thức thời luôn luôn trau dồi kiến thức để bổ khuyết nội dung giảng dạy của mình, như vậy không thể dùng sách giáo khoa cũ được.

- *Giá trị chân chính của tác giả sách :* Sở trường của tác giả liên quan với môn họ viết bảo đảm giá trị của sách. Các kinh nghiệm (quá trình), quan niệm, phương pháp và nguồn tài liệu đó chứng tỏ đặc tài của tác giả và sách.

- *Nội dung của sách :* Các phần của sách cần đúng với chương trình của cấp lớp hay trình độ hiểu biết và tâm lý của học sinh. Các kiến thức phải hợp thời và sắp đặt hợp lý. Cần nhấn mạnh đến các phần chánh yếu.

- *Hình thức của sách :* Chữ dùng, cách đặt câu, cách diễn đạt... cần phù hợp với ngôn từ của lứa tuổi dùng sách. Tránh những ngôn từ cao xa, rườm rà, nhiều sáo ngữ, không phù hợp với đa số tầng lớp xã hội của học sinh, nghĩa là phải phù hợp với văn hóa học sinh, nhưng cũng không quá quê mùa, thấp kém.

- *Mỹ thuật trong cách trình bày :* Chữ in phải đủ lớn và dễ đọc ; lớp càng nhỏ chữ in lớn càng cần thiết. Cách trình bày, phối trí bài học cùng hình ảnh trên trang giấy giúp phát

triển ký ức. Giấy in cũng rất quan trọng, loại giấy bóng có thể làm hư mắt trẻ.

**b) Cách dùng sách :**

Sách giáo khoa chỉ là một phương sách giáo huấn và nhà giáo dùng nó như một phương tiện không hơn không kém ; sách phải đứng sau ông thầy và không thể thay thế ông thầy. Như vậy sách không phải phương tiện duy nhất cho học sinh học hỏi.

Trong cách dùng sách có thể có vài chủ trương bất nhất nhưng đó chỉ là phương thức thi hành mà thôi, còn trên quan điểm căn bản thì không khác biệt.

Khi dùng sách ông thầy lưu ý :

- Giáo chức cần có sáng kiến không hẹp hòi, cần dùng nhiều sách để làm cho mình phong phú thêm lên. Dùng một quyển sách chỉ thấy một quan niệm duy nhất, do đó đầu óc sẽ nghèo nàn và thiên lệch.

Giáo chức cần có uy tư, phối hợp, độc lập và sáng tạo vượt lên trên mọi sách để có một cái nhìn tổng quát, một cái nhìn như vậy rất cần trong các thái độ thu nhận học thức của học sinh. Nhất là trong các môn kiến thức xã hội, giáo chức cần lưu ý điều này để tránh hẹp hòi, thiên cận.

- Có thể trong phương sách thực hành, khi dùng sách giáo khoa của Bộ Giáo Dục, giáo chức cần giảng bài theo trình tự trong một sách giáo khoa được công nhận để học sinh khỏi hoang mang, nhưng giáo chức vẫn phải đọc nhiều sách giáo khoa và thêm bớt các đoạn nào xét thấy cần

thiết ; giáo chức cũng có thể cho học sinh chép thêm toát yếu hay một vài điều bổ túc cho sách để việc giảng dạy được hữu hiệu. Dầu sao trong lúc một nhọc, sẵn tài liệu trong sách, học sinh đọc lên các phần khó nào đó để tự học hỏi.

Sách giáo khoa chỉ nghiên cứu các đề tài thông thường nên giáo chức cần khuyên học sinh tham khảo ở thư viện hay đọc nhiều sách giáo khoa đi sâu vào đề tài học hỏi (tránh bắt học sinh mua nhiều sách một lượt). Sách chỉ nhấn mạnh bề rộng mà bỏ qua bề sâu của học thức.

**c) Kết luận :**

Sách giáo khoa là một phương sách giáo huấn không thể thay thế được ông thầy.

Khi sử dụng, thầy vẫn có đầy đủ sáng kiến và tự do để cho bài giảng và sự học tập được hữu hiệu.

Sách nào cũng vẫn có khuyết điểm và sự giáo dục cũng không hẳn hoàn hảo (J.J. Rousseau vẫn nghi ngờ sách và cho rằng chỉ nên để học sinh đọc khi trên 12 tuổi) ; với thời gian, với nhiều kinh nghiệm, giáo chức sẽ thấy sách khiếm khuyết và bổ túc dần.

## **2) Sách đọc (Đức dục và trí dục)**

**a) Định nghĩa :**

Sách đọc là phương tiện phát triển khả năng đọc giải trí, bổ túc kiến thức cùng đào luyện tâm hồn.

Nếu sách giáo khoa là phương tiện đào luyện trực tiếp thì sách đọc là phương tiện đào luyện gián tiếp.



Nếu sách giáo khoa được giáo chức dùng làm phương tiện duy nhất chỉ dẫn và cung cấp cho học sinh, thì sách đọc do học sinh tự do chọn lựa, mua sắm theo sở thích bên ngoài sự kiểm soát của giáo chức lẫn phụ huynh.

**b) *Tình trạng sách đọc của học sinh Việt Nam :***

- Thiếu nhi Việt Nam cũng như thiếu nhi thế giới tò mò khao khát hiểu biết, say mê, ngẫu nhiên đọc bất cứ quyển sách nào lọt vô tay chúng. Nhưng thiếu nhi Việt Nam khác thiếu nhi thế giới là quá thiếu thốn sách đọc.

- Và lại sách đọc có chăng vẫn kém cả về nội dung lẫn hình thức không thể bằng sách báo ngoại quốc được.

- Lý do là chánh quyền giáo dục không để ý đến việc nghiên cứu và xuất bản sách đọc cho học sinh. Trung tâm Học liệu chỉ in được một số sách giáo khoa mà vẫn còn thiếu thốn huống hồ gì sách đọc của học sinh. Sách đọc của học sinh do các tư nhân xuất bản. Có một số nhà giáo thiện chí, tâm huyết, nhìn thấy vấn đề đã cho in một vài tập truyện giải trí cùng sách đọc có tánh cách giáo dục, còn thì đa số là do những người ở ngoài giáo dục chỉ làm với mục đích thương mại, mà không để ý đến sự tai hại của sách báo nhảm nhí. Xét kỹ, trách nhiệm ấy không ở phụ huynh hay giáo chức, mà là ở cơ quan giáo dục phải có nhiệm vụ kiểm duyệt sách báo thiếu nhi trước khi phát hành. Nếu trách nhiệm này trao về Bộ Thông Tin thì thật là tai hại vì họ chỉ chú trọng về chánh trị mà thôi.

- Hơn nữa do ảnh hưởng của hoàn cảnh chiến tranh với các phương tiện thông tin ngoại quốc (sách báo, truyền

thanh, truyền hình...), các phương tiện giải trí đều dành cho người lớn nên không thể nào phù hợp với tâm lý thiếu nhi Việt Nam được.

- Có thể nói trong hiện tại có hai nguồn ảnh hưởng chánh là : sách báo, truyền hình của Hoa Kỳ, và các tiểu thuyết, tuồng kiếm hiệp của Hồng Kông (Trung Hoa). Ngoài ra còn có nguồn ảnh hưởng gián tiếp của sách báo ngoại quốc khác dùng cho trẻ em hay người lớn. Từ ấy có các loại sách báo sau đây :

Các loại sách hình ảnh ngoại quốc, chú thích lời Việt bằng ngôn ngữ của hạng bình dân, không được màu mè sắc sảo như ngoại quốc được, chữ rất khó đọc (Lucky Lucke, Batman, Astroboy, Combat, Bonanza...)

Các loại sách hình ảnh phóng tác truyện kiếm hiệp, ma đầu, quái đản, tề thiên đại thánh, đánh kiếm, bắn súng, cướp của giết người, v.v... chắc chính người sáng tác cũng không thể tưởng tượng nó như thế nào, còn trí tưởng tượng dồi dào của trẻ con khi đọc tới muốn tưởng tượng thế nào tùy ý. Thật là tai hại !

Các sách truyện phóng tác bằng nhiều loại đề tài khác nhau. Tìm ra một cuốn nào có tính chất giáo dục thật là hiếm. Đây là loại gợi trí tưởng tượng thiếu nhi nhiều nhất, nhưng đa số đều kém lành mạnh, ảnh hưởng tùy lứa tuổi và tùy loại sách, tuổi còn nhỏ thích sách hình hơn, lớn hơn thích đọc hơn, cốt chuyện ly kỳ hơn.

- Trong rừng sách báo ấy, có số sách báo do những nhà giáo dục hay lưu ý đến giáo dục chủ trương, đã săn sóc đến

nội dung lẫn hình thức. Đó là các cố gắng thật hữu ích và đáng khuyến khích. Cần dành một địa vị để đánh bật ảnh hưởng tai hại từ lâu, hầu phục hồi vai trò của giáo dục. Khốn nỗi các loại sách Hồng, tử sách Tuổi Hoa, tử sách Danh Nhân, tử sách Búp bê, Nhi đồng Mặc lâm, thẳng Bờm, v.v... đều không được ai chỉ dẫn, khuyến khích và hơn nữa giá lại cao hơn các loại sách báo khác nên không đến tận tay thiếu nhi được.

Xét về nội dung các loại sách này, những đề tài đề cập tới là chuyện thần thoại, lịch sử đời sống gia đình, làng mạc quê hương, khoa học, danh nhân, phiêu lưu... có thể nói là đủ loại, nhưng vẫn bị chỉ trích là đề cập tới những khung cảnh sang trọng quý phái, thượng lưu, không phù hợp với đa số thiếu nhi, lý tưởng hóa cuộc sống không tưởng thái quá. Và lại không khai thác được thị hiếu vì không có nhiều hình ảnh hay màu sắc ấn loát trong sách ; bất cứ thiếu nhi nào cũng đều thích xem tranh và muốn cốt truyện kết thúc mau lẹ trên tranh ảnh chứ không thích ngồi đọc và tận dụng trí tưởng tượng (điều này sách báo nhằm nhí đáp ứng được).

Sách báo ngoại quốc làm tròn các nhiệm vụ trên một cách rõ rệt.

### **c) *Giá trị sách đọc :***

Sách giáo khoa là hình thức sách đọc minh thị và được phép lưu hành chánh thức trong trường. Nó còn có tính chất bắt buộc nữa và ảnh hưởng trực tiếp. Trái lại sách không minh thị, không bắt buộc, ảnh hưởng được coi là gián tiếp. Nhưng đứng về phương diện tâm lý, theo thuyết cứu cánh,

những gì dễ dàng tự do theo sở thích thì tìm đọc và say mê hơn là những sách bắt buộc sự cố gắng, khô khan không hấp dẫn, không có những tình tiết gợi được cảm năng của học sinh. Và lại tẻ nhạt đưa học sinh đi sâu vào thế giới phiêu lưu biến đổi thường xuyên chứ không phải được mực thước, trang nghiêm, đài các.

Ông thầy chỉ dẫn các sách của các tác giả trong chương trình học tập để học sinh hiểu thêm về văn chương cùng khuynh hướng của tác giả, nhưng có mấy học sinh chịu nghe theo lời thầy.

**Các loại sách đọc cần có :** Các sách đọc không phải chỉ để đáp ứng khả năng đọc và đáp ứng nhu cầu giải trí của học sinh mà thôi, mà còn phải đào luyện tâm hồn (đức dục, trí dục, xã hội, sống thực tế, ham chuộng chân lý, khoa học).

Vậy cần có nhiều loại sách khác nhau :

- Loại bổ túc kiến thức : gồm các bài văn về sự hiểu biết khoa học ngày nay (truyện khoa học kể theo từng câu chuyện hay tranh ảnh), tài nguyên quốc gia, quốc tế, các loại sách « tìm hiểu », chân trời mới... trình bày các loại gà, vịt. Loại này gần với loại sách giáo khoa, và đôi khi tỏ ra khô khan.

- Loại giai thoại, thần thoại, lịch sử, dã sử, truyền kỳ gương danh nhân, lịch sử địa phương và quốc tế... để làm trẻ thích thú, mục đích đào luyện tâm hồn.

- Loại tiểu thuyết phiêu lưu, mạo hiểm, khoa học giả tưởng, trinh thám, mẫu truyện đề cao các mẫu người của xã

hội... đây là loại quan trọng, đông đảo do trí tưởng tượng, sáng tạo của người viết và ảnh hưởng không nhỏ đối với thiếu nhi, vì đây là loại dễ gây hứng thú say mê cho trẻ.

- Loại truyện bằng tranh ảnh, khôi hài, thi văn, kịch tuồng, ca dao, ngụ ngôn nhi đồng... cũng dễ gây cho trẻ thích thú, nhất là tranh ảnh có màu sắc và các truyện vui cười.

Ngoài ra, thiếu nhi của các tôn giáo khác nhau cũng có nhiều loại sách về tôn giáo của họ.

Bên cạnh các loại trên còn có các loại do chính các học sinh sáng tác, và nếu khéo hướng dẫn thì đó cũng là một sự hứng thú cho chúng.

**Điều kiện cho một sách đọc tốt :** Sách đọc không phải chỉ để giải trí mà thôi dầu điều này là chánh yếu, nhưng nó còn nhằm tới nhiều mục đích khác về giáo dục. Chính vì vậy mà phụ huynh và giáo chức cần phải chọn sách cho Trẻ đọc.

Như vậy đặc tính của loại sách đó là :

- Nội dung. Phải bao gồm đủ mọi thể tài ở trên từ các câu chuyện khoa học, cổ tích, thần tiên, ma quỷ đến truyện khôi hài về các súc vật, bài hát, trò chơi nhi đồng, những câu đố. Tính chất của nội dung là vui vẻ, dễ hiểu, tình tiết thích thú, có thể phản ánh một số hình ảnh của thông làng Việt-Nam. Dầu sao chẳng nữa tính chất chánh vẫn là màu sắc Việt-Nam. Tác dụng ấy chẳng qua cũng là tác dụng xã hội hóa đưa trẻ bằng câu chuyện (lòng yêu mến quê hương, đất nước...)

- Hình thức : Văn chương giản dị sáng sủa phù hợp với ngôn ngữ học sinh, đó cũng chính là tiếng nói học sinh, nên các câu chuyện do chính học sinh sáng tác và học sinh đọc thì còn gì bằng. Không thì ít ra cũng do chính những nhà giáo hay những nhà văn cho học sinh sáng tác thì mới có giá trị. Ngoài ra những sách đọc cũng đào luyện khả năng văn chương của học sinh, cho nên những chuyện sáng tác phải đúng văn phạm, hướng về mục đích văn chương nữa.

- Trình bày : Vấn đề này cũng dự một phần lớn vào việc tăng giá trị của sách. Học sinh có thích một quyển sách đẹp thì ảnh hưởng của nội dung và hình thức mới đến với họ được. Cho nên hình ảnh, màu sắc, mỹ thuật trình bày giúp cho học sinh thích thú đón nhận mà đọc. Ngoài ra kiểu chữ, mẫu chữ to rõ ràng, phối trí tranh ảnh phải hợp mục tiêu Sư phạm (kỹ thuật ấn loát Âu Mỹ ngày nay rất cao).

**d) Kết luận :** Sách đọc đào luyện con người toàn diện của cả một thế hệ (từ hành vi giáo dục công dân đến lòng yêu nước cao cả). Thật vậy kiến thức do sách giáo khoa mang tới có giới hạn, có thể lỗi thời và sử dụng thiếu hữu hiệu, nhưng ảnh hưởng của sách đọc trên phương diện tâm hồn thì lâu dài và chiếm địa vị chủ đạo. Nếu sách giáo khoa đào tạo cho cá nhân có một kiến thức sắc bén như một con dao tốt thì sách đọc sẽ đào tạo cho cá nhân một tâm hồn trọng luân lý, trọng đạo đức như sự sử dụng con dao vậy. Con dao có sắc bén thật nhưng sử dụng không đúng chỗ sẽ tác hại vô cùng.

### **III. CÔNG VIỆC CỦA GIÁO CHỨC**

Tận tâm với nghĩa vụ, yêu nghề mến trẻ, « lương sư kiêm từ mẫu », nhà giáo cần phải góp phần cống hiến những quyển sách bổ ích cho học sinh. Công việc của nhà giáo được chia làm hai phần, một phần tiêu cực và một phần tích cực. Công việc tiêu cực là công việc phổ biến các sách có sẵn như tổ chức đọc sách, kể chuyện hướng dẫn học sinh đọc sách, lập tủ sách cùng thư viện cho học sinh. Công việc tích cực là công việc lâu dài như : sưu tầm tài liệu kinh nghiệm mà viết sách.

### **1) Lựa chọn sách**

Chỉ dẫn cho học sinh đọc một quyển sách có ích lợi là một công việc đòi hỏi khả năng thẩm định của nhà giáo đối với sách. Nhà giáo duyệt sách trước để cho học sinh đọc dựa theo giá trị của sách giáo khoa và sách đọc. Tuy nhiên nhà giáo cần dựa trên các nguyên tắc sau để lựa chọn sách :

**a) *Trình độ tuổi và học lực của học sinh*** : Về phương diện tâm lý, mỗi lứa tuổi có một số nhu cầu bồi bổ trí năng để đạt đến mức quân bình tâm hồn để được trưởng thành, vượt qua giai đoạn ấu trĩ. Đó chính là sự thuần thực nhân cách, cứu cánh của giáo dục. Đưa cho trẻ những quyển sách không phù hợp với lứa tuổi, đó là bỏ qua một giai đoạn hứng thú của lứa tuổi đó mà khi tuổi đã qua rồi thì không thể nào lấy lại được. Đó chính là thiếu sót vậy. Cống hiến sách hợp với lứa tuổi là hành vi giáo dục hữu hiệu.

**b) *Đầy đủ mọi loại để đào luyện các cá nhân toàn diện*** : Ở bậc cao đẳng cần sách chuyên môn, nhưng ở cấp I bậc

giáo dục phổ thông cần đầy đủ mọi loại sách. Tủ sách giáo khoa, sách nghiên cứu, sách đọc giải trí cho đến báo chí thầy đều cần thiết. Hơn nữa cũng cần mọi bộ môn như : văn chương, kỹ thuật, thể thao, nông công thương nghiệp, nghệ thuật, hội họa âm nhạc... tùy theo sở thích của trẻ. Con người toàn diện cần bồi dưỡng nhiều phương diện khác nhau, tuy nhiên vẫn có một sự chuyên biệt hóa trong sở thích của mình, điều này là một điều tốt, vì nó sẽ hướng sự chọn lựa ngành chuyên môn của Trẻ sau này. Sách thật quan trọng ; có thể do ảnh hưởng của một quyển sách mà một cá nhân định hướng cả cuộc đời của mình.

**c) *Phù hợp nguyên tắc Sư phạm và tác dụng giáo dục :***

- Sách giáo khoa : ngoài các tiêu chuẩn cho giá trị sách giáo khoa, nhà giáo còn chú ý tới các nguyên tắc sư phạm khi chọn sách như : sách phải đồng loạt của cả lớp, không nên bất thần thay đổi sách. Các bài trong sách cần theo một trình tự hợp nguyên tắc Sư Phạm như : tựa bài, dàn bài tổng quát, câu hỏi, toát yếu, bài học thêm, bài tập... Do đó việc ấn định sách giáo khoa cho học sinh phải do Hội Đồng Giáo Chức, vì sách giáo khoa là nền tảng kiến thức của học sinh.

- Sách đọc : Phải có tác dụng giáo dục, nhưng điều này ẩn tàng để ảnh hưởng vào tiềm thức học sinh. Sách đọc phải gây cảm hứng rõ ràng, kích thích phấn khởi, ảnh hưởng sâu xa : ý tưởng đẹp, lời văn hay, nội dung thích thú, các điều luân lý, các kinh nghiệm tuổi trẻ vẫn còn giữ lại mãi mãi.



Nhà giáo cần lập một « thư tịch » các sách cần đọc cho học sinh.

## **2) Tủ sách học sinh**

Cũng trong phạm vi học đường giáo chức có thể tổ chức các buổi đọc sách, thuật truyện hay tổ chức tủ sách cho trường.

**a) Buổi đọc sách, thuật truyện :** Giáo chức có thể trích trong các giờ Việt Ngữ một giờ luyện văn, đọc truyện và thuật truyện, hướng dẫn học sinh tóm tắt các quyển truyện đã đọc trong một tập riêng, tập ghi chép các đoạn văn hay, luyện tập khả năng phê phán các đoạn văn. Trong giờ này học sinh trình bày thuật truyện trước các bạn. Giáo chức cần chú ý đến khả năng này trong các lớp cuối cấp 1 và các lớp đầu của cấp 2 (Lớp 6, 7, 8, 9). Các giờ này sẽ rất hứng thú, học sinh được biết thêm các câu chuyện của các bạn mà khỏi phải đọc, và tập được thói quen trình bày trước đám đông, tài hùng biện.

**b) Tủ sách cho lớp, cho trường :**

**Mục tiêu :** Thư viện cho lớp, cho trường là cơ sở cần thiết để hỗ trợ cho việc học tập. Thư viện có những mục tiêu như sau :

- Giúp đỡ học sinh nghèo không đủ tiền mua sách được mượn sách về nhà hay được đến để đọc, để hiểu bài, mở rộng tầm hiểu biết ra ngoài những điều được học tập trong lớp.

- Gây tính say mê đọc sách : thú đọc sách là một thú vui tao nhã của người trí thức, và là một nhu cầu chánh đáng ; nếu nhu cầu tốt đẹp này không được thỏa mãn, học sinh sẽ hướng về nhu cầu kém lành mạnh thì thật là tai hại.

Thường tủ sách cho lớp gồm các sách căn bản, nhưng tủ sách cho trường gồm nhiều sách hơn (như một thư viện) ; cũng có thể có một số sách cho giáo chức, điều này thật cần thiết để giúp giáo chức cho thêm tài liệu, hiểu biết học sinh mà hướng dẫn việc học.

### ***Sự thành lập :***

- Tủ sách cho lớp : có thể là tủ sách luân chuyển, học sinh có thể đem một vài quyển sách cho học sinh khác mượn (học sinh khác muốn mượn cũng đem các sách khác để thế vào tủ sách). Tuy nhiên để sự điều hành dễ dàng và thêm nhiều sách, giáo chức cũng có thể lấy tiền đóng góp chút đỉnh của học sinh để mua sách mới, hoặc sách cũ ở gia đình (điều này tránh lạm dụng để khỏi mang tai tiếng). Nếu có thể giáo chức nên nhờ sự trợ giúp của phụ huynh hay các thân hào quen biết. Giáo chức cũng nên gây ý thức hay khuyến khích học sinh lập tủ sách gia đình.

- Tủ sách cho trường : (Thư viện). Nhà trường cần hai loại tủ sách, tủ sách cho giáo chức, và tủ sách cho học sinh.

- Tủ sách giáo chức cũng gồm đủ loại, từ loại sách khảo cứu cho đến các tạp chí, thường do ban Giám Đốc đặc cử một giáo chức lo tổ chức, săn sóc, điền khuyết các loại sách cho thật đầy đủ.

- Tủ sách học sinh gồm nhiều loại sách giáo khoa và sách đọc bổ ích có thể do một giáo chức đặc nhiệm hay học sinh luân phiên phụ trách ; có thể tổ chức « quyền sách cũ » hay tổ chức cho học sinh đóng góp.

Thông thường để có một tủ sách cho trường được đầy đủ, nhà trường kêu gọi sự trợ giúp của Phụ huynh, các nhà hảo tâm, các cựu học sinh, các cơ quan chánh quyền hay cơ quan văn hóa quốc tế gửi tặng. Những dịp lễ lạc ở trường đều là dịp để giáo chức kêu gọi thành lập tủ sách cho trường.

**c) Tổ chức tủ sách – cho mượn sách :**

Giáo chức nên tổ chức cho qui củ để dễ tìm sách. Sách phải đánh đố, lập phiếu thư mục nhan đề, thư mục tác giả, sắp xếp sách. (Thật ra đây là một ngành hết sức quan trọng ngày nay nhằm cống hiến cho độc giả những tài liệu đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của họ : ngành thư viện học).

Trong phạm vi nhà trường, có thể tổ chức việc tìm sách trên kệ và đọc sách ở bàn tay có thể cho học sinh mượn về nhà trong vài ba ngày.

Có thể tổ chức cho học sinh tham dự vào việc điều hành tủ sách trong trường, việc này giúp cho học sinh tập tôn trọng tài sản chung, giữ gìn cho sự ích lợi chung, tập cho học sinh tinh thần trật tự, ngăn nắp, gây tinh thần học tập, óc tổ chức không khí ganh đua, nghiên cứu, những điều này rất cần thiết cho cuộc sống tương lai.

**3) Soạn sách**

Nhà giáo chúng ta được gì sau những năm dạy dỗ ? Đó là một số sách giáo khoa mà nhà giáo đã góp nhặt sau nhiều năm trong nghề. Đó là phần thưởng tinh thần quý báu và khiêm tốn góp phần không nhỏ cho giáo dục.

Nhà giáo cần có phương pháp để công vụ mang tới những kết quả thỏa đáng ; nhà giáo phải thu thập tài liệu, cộng tác với đồng nghiệp để tìm hiểu, các vấn đề trong khi thi hành nghĩa vụ.

**a) Thu thập tài liệu :**

Khi giảng dạy, các kinh nghiệm cần được ghi lại. Khi phân tách bài dạy, nhà giáo cần ghi nhận phương cách nào tốt hơn hết để học sinh dễ hiểu ghi nhận những tài liệu nào đã tham khảo.

Sự giảng dạy ở địa phương : các kinh nghiệm áp dụng cho địa phương cũng ghi lại. Điều này thật cần cho bài học hào hứng, dễ hiểu và thực dụng.

Trong tinh thần cộng đồng, khi nghiên cứu địa phương nhà giáo cũng góp nhiều cho việc tìm hiểu các hoàn cảnh đặc biệt của đất nước ; đây cũng là những kinh nghiệm quý báu.

Sách vở, báo chí trong nước và ngoại quốc, giáo chức thu thập được trong cuộc đời đi dạy cũng là nguồn tài liệu phong phú cho việc sáng tác sách báo giáo dục sau này.

Nhà giáo trong nghĩa vụ và với tài năng văn chương, nên sáng tác các sách đọc cho học sinh hay hợp tác cùng đồng nghiệp để tổ chức các nhóm viết, dịch, phóng tác, sưu

tầm các sách đọc cho học sinh, việc này không những tạo nên uy tín vững chắc cho nhà giáo mà còn là một sự đóng góp lớn cho Giáo dục và đáp ứng nhu cầu của thiếu nhi vậy.

**b) Cộng tác với đồng nghiệp :**

Tài liệu thu thập với thời gian sẽ càng nhiều, nhưng một mình sẽ không làm gì được, vì vậy Giáo chức nên cùng các bạn cùng chí hướng khuyến khích, trao đổi, sửa chữa lẫn nhau để tài liệu được giá trị.

Các tài liệu sẽ thực dụng hơn nếu có sự cộng tác, để các đồng nghiệp cùng tìm hiểu một vấn đề chung, một khó khăn chung.

Ngoài ra sự cộng tác còn giúp giữ tinh thần làm việc đều đặn.

**c) Kết luận :**

Trong hiện tại việc soạn sách chưa được chính quyền giáo dục khuyến khích triệt để ; các tác giả sách giáo khoa và sách đọc chưa được tưởng thưởng xứng đáng (ngoài việc gần đây có tổ chức giải thưởng sách giáo khoa). Bên cạnh các sách giáo khoa do Bộ sản xuất cho các trường sử dụng, các sách giáo khoa của các tác giả khác chưa có mấy cuốn có giá trị Sư Phạm.

Còn về sách đọc, việc sáng tác các sách đọc cho nhi đồng do một số nhà giáo có tâm huyết chủ trương cũng gây được tiếng vang, nhưng chính quyền giáo dục chưa quan niệm đặt thành kế hoạch đúng mức. Trung Tâm Học Liệu có đó, hứa hẹn nhiều nhưng nhà giáo chưa thấy hợp tác.

(Có người đề nghị nên thành lập « Hội đồng hướng dẫn về sách báo nhi đồng » hay hàng năm phát giải thưởng cho các tác phẩm văn chương nhi đồng xứng đáng nhất).

#### **IV. TỔNG KẾT**

Chúng ta không ngạc nhiên trước sự phẫn nộ của J. J. Rousseau : « *Tôi chán ghét sách, chúng chỉ dạy toàn những điều người ta không biết* » ; nhưng J. J. Rousseau phẫn nộ là đối với sách của thời ông ; ngày nay sách là phương tiện cần thiết cho công tác giáo dục.

Sách phải đáp ứng cho nhu cầu học sinh về phẩm lẫn về lượng, như vậy công tác giáo dục mới được phổ biến, học thức mới được nâng cao. Ngược lại nếu thiếu thốn tức công tác giáo dục chưa đầy đủ, và giáo dục không thể phổ biến sâu rộng trong đại chúng được, và quần chúng có quyền mất niềm tin nơi chế độ.

Vai trò của giáo chức thật cần thiết. Mặc dầu nhà giáo được xem như những chiến sĩ vô danh không cần người khác biết đến, nhưng chánh quyền giáo dục phải đặt thành kế hoạch khuyến khích và trợ giúp đặc lực.

Dẫu sao đi nữa với sự tận tụy trong nghĩa vụ, với sự yêu nghề mến trẻ, nhà giáo Việt Nam vẫn đã cống hiến cho thiếu niên không biết bao nhiêu tác phẩm giáo dục giá trị.

## CHƯƠNG MƯỜI BA : ẪN LOÁT VÀ BÁO CHÍ HỌC ĐƯỜNG

**HỌC** tập từng đội cũng được áp dụng trong việc biên tập và ấ n loát tờ báo học đường, công trình này phản ảnh tinh thần và công việc của lớp học.

- Các bài được sáng tác ấy hoặc là bài của cá nhân hoặc là bài của từng nhóm.

- Các bài cá nhân được sáng tác tự do, được học sinh làm ra đọc cho các bạn. Cuộc biểu quyết nhanh chóng chấp nhận hay từ chối bài ấy.

- Các bài từng nhóm là các bài tập thể với các đề tài do nhóm chọn lựa : Các bài sử ký, hoặc địa lý địa phương được làm ra sau khi du khảo (các di tích, các lâu đài...), sau một cuộc thăm viếng, một chuyến du ngoạn ; các bài này do nhóm xây dựng và viết ra.

Những bài hay và được nhóm chấp nhận được qui tụ trong một tờ báo, hoặc được viết ra một bản và chuyền tay nhau đọc hoặc muốn được phổ biến sâu rộng hơn có thể được in thành nhiều bản.

Trẻ con rất thích ấ n loát học đường.

Bà Suzanne Roubakine viết : « *Hãy ấ n loát ! Vui thú biết bao ! Người ta cố thuật các nỗi vui buồn, cực nhọc cùng tất cả những chi tiết nhỏ của cuộc sống hàng ngày trong một tờ báo, mà chính học sinh đã hoàn toàn tự làm ra. Mọi người viết bài thích thú được in, vì thích thú được tham dự vào*

*một tờ báo, một công trình tập thể. Tuy nhiên không cần thiết kêu gọi lòng tự ái cá nhân của họ ». (Trong nhiều tờ báo học đường, các tác giả thường chỉ ghi họ hay một tên nào đó chứ không phải tên thật).*

Đứa trẻ thích thú xem công trình người khác hơn chính công trình của chúng. Chúng đọc tất cả công trình của nhóm để chọn lấy những bài đáng được in lại. Chúng trở nên hiểu thấu hết ý tưởng của các bài khác. Chúng bàn cãi chọn lựa, say mê.

*« Như vậy ấn loát học đường gợi lên ước muốn sáng tạo nhưng đồng thời, nó cũng giúp cho trẻ phát triển nhiều khả năng. Nó đòi hỏi sự tập trung chú ý. Nó đòi hỏi phải viết chính tả cho đúng, bởi vì trong tờ báo, không phải chỉ có giáo sư bắt lỗi mà các bạn cũng đòi hỏi viết đúng. Các thử thách do cả lớp nêu ra để loại trừ các lỗi... Ấn loát học đường còn phát triển các đức tính thứ tự và phương pháp. Các đứa trẻ làm mất trật tự trong hộp đựng chữ in sẽ bị phản đối mạnh ».*

Các bạn của chúng không thương chúng đâu : Họ đe dọa sẽ loại chúng ra khỏi nhóm. Chính vì vậy mà đứa trẻ kém cẩn thận sẽ phải cố gắng nhiều để có thể hoàn thành trách nhiệm mà các bạn giao phó.

*« Hơn nữa, ấn loát học đường đòi hỏi nhiều đức tính khác. Phải khéo léo. Phải biết chọn các chữ trong hộp chữ in một cách thứ tự bằng một cái kẹp (gắp), phải nắm chặt trước sắp chữ in, học sắp thành từng hàng đôi trên tấm ván sắp chữ để khỏi bị lật ngược, phải biết nghệ thuật buộc lại*



*toàn thể các chữ trong một bài để mang lên máy in khỏi xáo trộn.*

*« Để công việc kết quả tốt, phải thận trọng, coi chừng giữ gìn dụng cụ, phải rửa các chữ in, phải coi chừng không để quá nhiều mực, tay phải sạch để khỏi làm dơ các giấy.*

*« Cuối cùng, phải có năng khiếu ; Thật là cần thiết khi chọn các chữ thích hợp, khi khắc các chữ đẹp để làm nổi bật các bài, khi sắp xếp các trang cho đầy đủ ».*

Tờ báo học đường được in có một giá trị giáo dục lớn hơn tờ báo chỉ được viết tay. Sự vui thích làm việc cẩn thận cộng thêm với sự thích thú được tặng biếu hay được bán một số lớn cho phụ huynh hay bạn bè.

Các thực hiện tập thể của việc biên tập, sáng tác, sắp xếp và phát hành là một sự cố gắng cả tâm lẫn trí của lớp học.

Ngày nay, người ta tìm thấy trên thương trường những vật liệu cần thiết như : chữ in, thước sắp chữ, máy in, ống lăn mực, v.v... với một giá rẻ.

Đó chính là ấn loát học đường, xướng khởi bởi Freinet, mà sau này người ta phải nhìn nhận có giá trị giáo dục to lớn.

# CHƯƠNG MƯỜI BỐN : MỘT VÀI NHÀ GIÁO LỚN<sup>5</sup>

## I. CELESTIN FREINET

**SANH** tại Gars, Alpes Maritimes năm 1896.

Ông là nhà giáo dục Pháp, làm giáo viên tại Bar-Sur-Loup, « Alpes Maritimes » từ 1920 đến 1928, rồi tại Saint Paul De Vence.

Ông đã điều chỉnh một nền *Sư Phạm bình dân* dựa trên sự diễn tả tự phát, nguyên động lực của sự cố gắng, sự làm việc tập thể và sự nhận thức về trách nhiệm. Ông đã dùng các phương pháp linh hoạt, đặc biệt là *ấn loát học đường* (tờ báo học đường hoàn toàn do chính học sinh làm lấy), những trao đổi liên trường, những hợp tác xã học đường, v.v...

Ông đã trình bày những nguyên tắc và những phương pháp của mình trong nhiều...

Bên cạnh Freinet, từ 1927 có những giáo chức Pháp hưởng ứng « Ấn loát học đường ». Ông lại có sáng kiến làm « bộ thẻ hợp tác xã để dạy học » để hệ thống hóa việc giảng dạy ; trẻ sẽ hứng thú học tập.

Năm 1950, hợp tác xã Freinet xuất bản 1.200 thẻ và hơn 20.000 giáo viên dùng bản in.

Các tạp chí và các sách của Hợp tác Xã Freinet là :

**TẠP CHÍ :**

- L'éducation (thầy giáo) bán nguyệt san. Luận về mọi vấn đề thực hành và lý thuyết trong nghề dạy trẻ.
- La Gerbe (bó lúa)
- Enfantines (chuyện trẻ con)
- Những tập « giáo dục bình dân mới » (Brochures d'Education Nouvelle populaire).

### **SÁCH :**

- Ecole moderne (trường học tân tiến của Pháp)
- Tác phẩm : giáo dục sự làm việc năm 1947 những cách ngôn của thánh Mathieu năm 1959.
- Conseil aux parents (Ít lời khuyên cha mẹ).
- Naissance d'une pédagogie populaire.

**PHIM :** Ecole Buissionnière thuật lại đời Freinet

## **II. CHU VĂN AN**

Hiệu Tiều Ẩn. Là một bậc cao hiền đời nhà Trần.

Người xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Đông).

Làm quốc tử giám tư nghiệp và coi việc dạy học cho Thái Tử dưới đời Trần Minh Tông (1314-1329) ; soạn sách Tứ Thư Thuyết Ước. Đến đời Dụ Tông (1341-1369), ông dâng bản « Thất Trảm sớ » xin trừ bỏ bảy người gian thần ; Vua không nghe, ông xin từ chức, về lập trường dạy học tại (Hải Dương) Chí Linh. Học trò của ông sau này có nhiều người hiển đạt (Phạm sư Mạnh, Lê bá Quát...)

Khi mất, được Vua Trần ban tên thụy là Văn Trinh và được tòng tự tại Văn Miếu.

Chu Văn An có tập « Tiều ẩn thi » với lời thơ rất sáng suốt u dật, nhàn nhã tự tại, còn có thể tưởng tượng được cái thú thanh cao của người ở Ẩn – theo như lời phê bình của Phan Huy Chú.

Ngô Sĩ Liên, trong sách « Đại Việt Sử ký toàn thư », phê bình về Chu Văn An, đã viết : « *Sau muôn năm, nghe cái phong cách của tiên sinh người ngang ngạnh cũng hóa ra liêm chính, kẻ ươn hèn cũng tự lập được* ».

Vua Tự Đức, trong Việt Sử Tổng Vịnh cho rằng : « *Cái học của họ Chu là chủ cho rõ lẽ, chánh tâm, trừ thuyết tà, cự nết bậy* ».

### **III. VÕ TRƯỜNG TOẢN**

Bậc cao sĩ túc nho nổi danh ở miền Nam về thời Nguyễn Sơ (thế kỷ XVIII).

Người gốc Trung Hoa, lánh nạn Mãn Thanh, trước sang ở tại làng Thanh Khê, dinh Quảng Đức (nay thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, Trung Phần), sau dời vào Nam ở tại Bình Dương, thuộc Gia Định.

Thiên tư thông minh, học sâu biết rộng, và có chí cao khiết ; gặp lúc trong nước có cuộc nội tranh, tiên sinh lánh ẩn tại Bình Dương, chuyên tâm nghiên cứu học hỏi và dạy học. Nhiều danh thần của Vua Gia Long như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh, Ngô Tùng Châu, Phạm Đăng Hưng đều là môn đệ của Võ tiên sinh.

Hồi chúa Nguyễn Phước Ánh còn ở Gia Định, nghe tiếng tiên sinh là người có tài đức bèn vời đến để giao cho quan chức, nhưng tiên sinh nhất mực không nhận. Để đáp ơn tri ngộ, tiên sinh có dâng lên Nguyễn Vương 10 điều về cách bình định xứ sở. Cũng từ đó tiên sinh thường được Nguyễn Vương vời đến để bàn luận về kinh điển và về việc nước.

Ngày mùng 9 tháng 6 năm nhâm tí (1792) Võ tiên sinh từ trần. Nguyễn Vương rất thương tiếc, ban cho tên hiệu là Gia Định Xử-sĩ Sùng-đức Võ tiên sinh và một đôi liễn điếu như sau : « *Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà phần cựu học ; Đẩu nam phong giáo, tề khâm Nhạc lộc dư uy* ».

Hài cốt Võ tiên sinh lúc đầu chôn tại Hòa Hưng (Gia Định) ; đến năm Tự Đức thứ 19 (1865), khi 3 tỉnh miền Đông Nam Việt về tay người Pháp, liễn được cải táng đem về xóm Gành Mù-U trong làng Bảo Thạnh, thuộc quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Kiến Hòa ngày nay).

Tại làng Hòa Hưng, huyện Bình Dương có miếu thờ Võ Trường Toản (lập từ năm Tự Đức thứ 8, 1855), theo lời cầu xin của Phó kinh lược sứ Phan thanh Giản.

## **TỦ SÁCH TÂM LÝ** dưới sự điều khiển của **LÊ THANH HOÀNG DÂN**

- Tâm Lý Nhi Đồng, MAURICE PERCHERON, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Tâm Lý Giáo Dục (Quyển 1, 2, 3, 4, 5), J. LEIF và J. DELAY, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Phương Pháp Sư Phạm, GUY PALMADE, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, NGUYỄN HÒA LẠC.

- Hướng Học, LONG ĐIỀN.

- Phương Pháp Dewey, LONG ĐIỀN.

**TRÉ xuất bản**

## **TỦ SÁCH GIÁO DỤC** dưới sự điều khiển của **TRẦN HỮU ĐỨC**

- Triết Lý Giáo Dục, JEAN CHÂTEAU, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Lịch Sử Giáo Dục, ROGER GAL, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Các Vấn Đề Giáo Dục (QUYỂN I và II), LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC, NGUYỄN HÒA LẠC, NGUYỄN VĂN TRANG, NGUYỄN VĂN HỮU, NGUYỄN VĂN CHẤN, HUỲNH VĂN NGÔN, LONG ĐIỀN, DƯƠNG MẠNH THƯỜNG

- Luân Lý Chức Nghiệp, LÊ THANH HOÀNG DÂN, NGUYỄN HÒA LẠC.

- Giáo Dục Y Tế, Bản dịch : HUỲNH VĂN NGON, ĐOÀN VIẾT BỬU.

**TRÉ xuất bản**

## **ĐÃ PHÁT HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC**

- Lịch Sử Đời Sống Tình Ái, RICHARD LEWINSOHN, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN.

- Lịch Sử Chiến Tranh Lạnh (QUYỂN I), Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN.

- Tâm Lý Nhi Đồng, MAURICE PERCHERON, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Lịch Sử Giáo Dục, ROGER GAL, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Triết Lý Giáo Dục, JEAN CHÂTEAU, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Tâm Lý Giáo Dục, J. LEIF VÀ J. DELAY, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC.

- Các Vấn Đề Giáo Dục (QUYỂN I), LÊ THANH HOÀNG DÂN, TRẦN HỮU ĐỨC, NGUYỄN HÒA LẠC, NGUYỄN VĂN TRANG, NGUYỄN VĂN HỮU, NGUYỄN VĂN CHẤN, HUỲNH VĂN NGÔN, LONG ĐIỀN, DƯƠNG MẠNH THƯỜNG

- Phương Pháp Sư Phạm, GUY PALMADE, Bản dịch : LÊ THANH HOÀNG DÂN, NGUYỄN HÒA LẠC.



Nhà xuất bản **TRẺ**

Địa chỉ liên lạc :

**LÊ THANH HOÀNG DÂN**

68 Nguyễn Biểu – CHOLON

Giấy phép số 687-BH-PHNT cấp ngày 26 tháng 2 năm 71.



# Notes

[ ← 1 ]

Hãy đọc Phương Pháp Sư Phạm, bản dịch của Lê Thanh Hoàng Dân và Nguyễn Hòa Lạc, nhà xuất bản Trẻ, 1971.

[ ←2]

Độc Các vấn đề Giáo dục, Lê Thanh Hoàng Dân, Trần Hữu Đức, Nguyễn hòa Lạc, Dương mạnh Thường, Nguyễn văn Trang, Nguyễn văn Hữu, Nguyễn văn Chấn, nhà xuất bản Trẻ, 1971.

[ ←3]

Độc Tâm Lý nhi đồng, bản dịch của Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức, nhà xuất bản Cấp Tiến, 1970.

[ ←4]

Độc Tâm Lý Giáo dục, bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân và Trần hữu Đức, nhà xuất bản Trẻ, 1971.

[ ←5]

Đọc thêm Triết lý giáo dục, bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân và Trần hữu Đức, nhà xuất bản Trẻ, 1971.